



Viện Tư vấn phát triển  
**CODE**



Trung tâm  
**CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN**



# **ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI, PHÂN CHIA LỢI ÍCH VÀ QUẢN LÝ NGUỒN THU TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TITAN TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH**



**Hà Nội,**  
tháng 8 năm 2013





Viện Tư vấn phát triển  
**CODE**



Trung tâm  
**CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN**

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI,  
PHÂN CHIA LỢI ÍCH VÀ QUẢN LÝ NGUỒN THU  
TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TITAN  
TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**Hà Nội,**  
tháng 8 năm 2013

# Mục lục

<b>DANH MỤC BẢNG, HÌNH VÀ HỘP</b>	<b>3</b>
<b>PHẦN I: MỞ ĐẦU</b>	<b>5</b>
<b>PHẦN II: HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI, PHÂN CHIA LỢI ÍCH VÀ QUẢN LÝ NGUỒN THU TRONG KHAI THÁC TITAN TẠI BÌNH ĐỊNH</b>	<b>11</b>
<b>2.1. Giới thiệu khái quát về tỉnh Bình Định</b>	<b>12</b>
<b>2.2. Khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản titan tại Bình Định</b>	<b>13</b>
2.2.1. Tiềm năng khoáng sản titan ở Bình Định	13
2.2.2. Cấp phép khai thác khoáng sản titan	14
2.2.3. Khai thác khoáng sản titan	15
2.2.4. Chế biến khoáng sản titan	17
2.2.5. Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai khoáng titan	18
<b>2.3. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội trong khai thác titan tại Bình Định</b>	<b>19</b>
2.3.1. Tổng hợp ý kiến đánh giá của cán bộ các cấp quản lý về các tác động tích cực và tiêu cực từ khai thác titan	19
2.3.2. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội trong khai thác titan của công ty Ban Mai tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	20
2.3.3. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội trong khai thác titan của công ty Bimico tại xã Cát Thành, huyện Phù Cát	24
<b>2.4. Phân chia lợi ích giữa các bên liên quan trong khai thác titan tại Bình Định</b>	<b>26</b>
2.4.1. Phân chia lợi ích giữa doanh nghiệp và nhà nước	26
2.4.2. Phân chia lợi ích giữa Doanh nghiệp và Cộng đồng	27
2.4.3. Tổng hợp phân chia lợi ích giữa Nhà nước, Doanh nghiệp và Cộng đồng	28
<b>2.5. Quản lý nguồn thu ngân sách từ hoạt động khoáng sản</b>	<b>29</b>
2.5.1. Nộp ngân sách của các công ty khai khoáng titan	29
2.5.2. Phân cấp quản lý nguồn thu ngân sách giữa các cơ quan quản lý	30
2.5.3. Đối chiếu số liệu thu – nộp ngân sách từ hoạt động khai khoáng	30
2.5.4. Quản lý đóng góp phúc lợi của các công ty khai khoáng	31
<b>PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b>	<b>34</b>
<b>3.1. Kết luận</b>	<b>35</b>
<b>3.2. Kiến nghị</b>	<b>37</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>39</b>
<b>Phụ lục 1: Danh mục các chính sách liên quan đến khai thác khoáng sản của Bình Định</b>	<b>40</b>
<b>Phụ lục 2: Danh mục các cơ quan, doanh nghiệp đã phỏng vấn</b>	<b>41</b>

# Danh mục bảng, hình và hộp

## Danh mục các bảng

Bảng 1	Đóng góp của khai thác khoáng sản vào giá trị sản xuất của Bình Định	13
Bảng 2	Sản lượng khai thác titan của cả nước và tỉnh Bình Định	15
Bảng 3	Số lượng doanh nghiệp khai thác titan tại Bình Định	17
Bảng 4	Cơ cấu các loại thuế và phân theo cấp độ chế biến sa khoáng titan	18
Bảng 5	Mức độ quan trọng của các lợi ích và chi phí từ khai thác titan	20
Bảng 6	Giấy phép khai thác của Ban Mai trên địa bàn xã Mỹ Thành	20
Bảng 7	Tình hình sản xuất của công ty Ban Mai	21
Bảng 8	Thiệt hại do giảm năng suất của cây điều và xoài ở thôn Hưng Lạc	22
Bảng 9	Chi phí trồng cây phủ xanh đối với dự án khai thác titan	23
Bảng 10	Tổng hợp thiệt hại hàng năm từ khai thác titan của công ty Ban Mai	24
Bảng 11	Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty Bimico	25
Bảng 12	Tổng hợp thiệt hại hàng năm từ khai thác titan của công ty Bimico	26
Bảng 13	Phân chia giữa Doanh nghiệp và Nhà nước	26
Bảng 14	Lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước theo cấp độ chế biến	27
Bảng 15	Phân chia lợi ích giữa doanh nghiệp và người lao động	28
Bảng 16	Phân chia lợi ích giữa Doanh nghiệp-Nhà nước-Cộng đồng	28
Bảng 17	Phân cấp quản lý thu ngân sách từ hoạt động khai khoáng	30
Bảng 18	Đối chiếu số liệu thu - nộp ngân sách của công ty Bimico (triệu đồng)	31
Bảng 19	Đóng góp phúc lợi của các công ty khai khoáng tại xã Mỹ Thành	32
Bảng 20	Đối chiếu số liệu đóng góp phúc lợi của công ty khai khoáng tại xã Mỹ Thành và Cát Thành	32

## Danh mục các hình

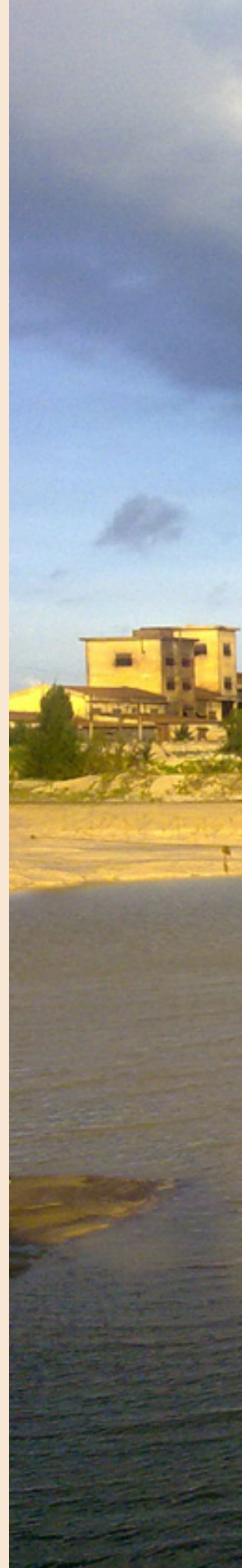
Hình 1	Bản đồ hành chính tỉnh Bình Định	12
Hình 2	Thời hạn của các dự án được cấp phép	15
Hình 3	Tỷ lệ nộp ngân sách trên doanh thu thuần phân theo cấp độ chế biến	19
Hình 4	So sánh doanh thu thuần và nộp ngân sách của doanh nghiệp	29

## Danh mục các hộp

Hộp 1	Khai thác titan tại Bình Định: Báo động đỏ!	16
Hộp 2	Hệ lụy từ việc khai thác titan ồ ạt	25

## Danh mục các từ viết tắt

AnTruongAn	Công ty CP An Trường An
AnhVy	Công ty TNHH thương mại Ánh Vy
BanMai	Công ty TNHH sản xuất & thương mại khoáng sản Ban Mai
Bimico	Công ty CP Khoáng sản Bình Định
Biotan	Công ty CP Khoáng sản Biotan
DtuKthuatBinhDinh	Công ty CP Đầu tư kỹ thuật Bình Định
DvuHBC	Công ty CP Đầu tư & Dịch vụ HBC
HoangDat	DNTN Hoàng Đạt
KimHuy	Công ty CP Khoáng sản Kim Huy
KimTrieu	Công ty CP Kim Triều
KSTMBinhDinh	Công ty CP Khoáng sản và Thương mại Bình Định
KSXNKBinhDinh	Công ty CP Khoáng sản XNK Bình Định
MyDuc	Công ty CP KS Mỹ Đức
MyTai	Công ty TNHH Mỹ Tài Bình Định
NhonLoc	Công ty TNHH Nhơn Lộc
PhuHiep	Công ty TNHH Phú Hiệp
QuyNhon	Công ty TNHH Quý Nhơn
SG-NhonHoi	Công ty CP KCN Sài Gòn - Nhơn Hội
SG-QN	Công ty CP KS Sài Gòn - Quy Nhơn
TanPhat	Công ty TNHH Tấn Phát
TinHung	Công ty CP Tín Hưng
TuLuc	Công ty CP KTM Tự Lực
ThaiPhong	Công ty TNHH Thái Phong
ThanhAn	Công ty TNHH Khoáng sản Thành An
ThanhNien	Công ty CP Thanh Niên
ThoiThuan	Công ty CP Thời Thuận
VanDai	Công ty TNHH Vạn Đại
VietDuong	Công ty TNHH Việt Dương





Phần

1

Mở đầu

## 1.1. Đặt vấn đề và sự cần thiết của nghiên cứu

Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản khá đa dạng và phong phú với hơn 60 loại khoáng sản tại hơn 5000 mỏ, điểm quặng. Từ năm 2000 đến nay, bình quân mỗi năm khai thác khoáng sản (bao gồm cả dầu khí) đóng góp khoảng 10-11% GDP và trên 25% tổng thu ngân sách nhà nước. Khai thác khoáng sản cũng đã tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động, khoảng 431200 người, chiếm 0,96% tổng lực lượng lao động (Tổng cục Thống kê, 2011).

Nhận thức được tầm quan trọng của khoáng sản trong phát triển đất nước, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực cải thiện khung pháp lý nhằm quản lý và sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên khoáng sản<sup>1</sup>. Tuy nhiên, trên thực tế triển khai hoạt động khai thác khoáng sản vẫn nhiều bất cập. Tình trạng khai thác ồ ạt tài nguyên khoáng sản và xuất khẩu các sản phẩm sơ chế dẫn đến hiệu quả sử dụng tài nguyên thấp, tỷ lệ thất thoát cao, nguy cơ tài nguyên khoáng sản bị cạn kiệt và để lại nhiều hậu quả đối với môi trường, xã hội (CODE & VCCI, 2011).

Nhằm đảm bảo để ngành khai khoáng đóng góp tốt hơn vào các mục tiêu phát triển, cần có những nghiên cứu khoa học, đặc biệt là việc đánh giá hiệu quả kinh tế-xã hội tổng thể của ngành khai khoáng, phân chia lợi ích và quản lý nguồn thu thực trạng quản lý, sử dụng nguồn thu từ hoạt động khai khoáng. Cụ thể hơn đó là việc tìm ra câu trả lời cho các câu hỏi: Tổng hiệu quả kinh tế - xã hội của ngành khai khoáng như thế nào? Ai là người được hưởng lợi và được bao nhiêu từ hoạt động khoáng sản? Nguồn thu từ hoạt động khai thác khoáng sản hiện được quản lý như thế nào? Và cần có các giải pháp nào để tăng cường hiệu quả và quản lý, sử dụng nguồn thu từ khoáng sản? Được sự ủng hộ của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội và chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; Viện Tư vấn phát triển (CODE) và Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) triển khai nghiên cứu “Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, phân chia lợi ích và quản lý nguồn thu trong khai thác titan tại tỉnh Bình Định”.

## 1.2. Tổng quan các nghiên cứu đã thực hiện trước đây

Ở cấp độ quốc tế, vấn đề nghiên cứu, đánh giá hiệu quả tổng thể của ngành khai khoáng và quản lý nguồn thu từ hoạt động khai khoáng đã được thực hiện ở nhiều quốc gia. Tuy nhiên, vấn đề phân chia lợi ích giữa các bên liên quan trong khai thác tài nguyên thiên nhiên chỉ mới được đưa ra lần đầu tiên tại Hội nghị về Đa dạng sinh học năm 2009. Trong lĩnh vực khai khoáng, World Bank (2010) đã thực hiện thí điểm nghiên cứu phân chia lợi ích trong hoạt động khai khoáng tại Ghana và Papua New Guinea để làm cơ sở cho việc thực hiện việc ký kết thỏa thuận giữa doanh nghiệp và cộng đồng địa phương và giới thiệu khuôn khổ lý thuyết về phân chia lợi ích giữa doanh nghiệp và cộng đồng địa phương nơi có hoạt động khai khoáng. Trong nghiên cứu của mình, Julie Owens (2011) đã trình bày các quy định của Australia về phân chia lợi ích giữa nhà nước-doanh nghiệp-người dân, trong đó quy định đối với từng loại khoáng sản doanh nghiệp phải trích lại một tỷ lệ nhất định lợi nhuận cho cộng đồng địa phương để hỗ trợ phát triển.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu (Đặng Trung Thuận, 2009, 2012; Nguyễn

1. Các chủ trương, chính sách quan trọng bao gồm Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 1/3/1996 của Bộ Chính trị về “Định hướng Chiến lược tài nguyên khoáng sản và phát triển công nghiệp khai khoáng đến năm 2010”; Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030”; Luật khoáng sản của Quốc hội năm 1996 và sửa đổi, bổ sung năm 2010; chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 theo quyết định số 2427/QĐ-TTg, ngày 22/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ và gần đây nhất là hoạt động giám sát năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “Việc thực hiện chính sách, luật pháp về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường”.

2. Những vấn đề này đã được nêu ra ở nhiều sự kiện trong khuôn khổ hoạt động giám sát về việc thực thi chính sách và pháp luật về quản lý tài nguyên khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bao gồm hội thảo triển khai hoạt động giám sát ngày 1/3/2012; buổi làm việc của đoàn giám sát với UBND tỉnh Bình Định ngày 9/3/2012 và tại phiên họp thứ 10 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) ngày 15/8/2012 nhưng các cơ quan chức năng và các nhà khoa học vẫn chưa có các giải đáp cụ thể, thỏa đáng về vấn đề này.



Thành Sơn, 2012; Nguyễn Thị Thủy Thủy, 2010;...) hầu như chỉ tập trung chủ yếu vào đánh giá thực trạng khai thác, chế biến khoáng sản và những tác động đến môi trường và xã hội từ hoạt động khoáng sản. Nghiên cứu của CODE (2010) đã có những phân tích và so sánh về hiệu quả của ngành khai khoáng với các ngành công nghiệp khác. Kết quả cho thấy ngành khai khoáng có hiệu quả kinh tế tài nguyên thấp: hiệu quả đầu tư thấp, đóng góp vào GDP chưa tương xứng, hoạt động khoáng sản chủ yếu khai thác, chế biến thô và xuất khẩu, gây thất thoát, lãng phí lớn cho tài nguyên quốc gia. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng chỉ mới dừng lại ở việc đánh giá về ngành khoáng sản nói chung thông qua số liệu thống kê, trong đó số liệu giá trị bằng tiền còn nhiều bất cập do giá cả nhiều loại khoáng sản chưa phản ánh đúng giá trị đích thực của chúng. Các nghiên cứu về phân chia lợi ích giữa các chủ thể và quản lý nguồn thu từ hoạt động khai thác khoáng sản ở Việt Nam hầu như chưa được thực hiện.

Trong bối cảnh đó, nghiên cứu “Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, phân chia lợi ích và quản lý nguồn thu trong khai thác titan tại tỉnh Bình Định” này được thực hiện với mong muốn sẽ đặt nền móng cho những nghiên cứu về sau nhằm làm rõ hơn về hiệu quả đích thực của hoạt động khai khoáng để từ đó đưa ra được các giải pháp, đề xuất nhằm quản lý, khai thác và sử dụng ngày càng hiệu quả tài nguyên khoáng sản của đất nước.

### 1.3. Mục tiêu của nghiên cứu

1. Có được kết quả ban đầu về hiệu quả kinh tế - xã hội trong hoạt động khai thác titan ở Bình Định;
2. Có được bức tranh về phân chia lợi ích giữa các bên liên quan trong hoạt động khai khoáng và thực trạng về quản lý nguồn thu từ hoạt động khai thác khoáng sản Titan ở Bình Định;
3. Có được các kiến nghị nhằm góp phần quản lý, khai thác, và sử dụng khoáng sản hiệu quả hơn.

### 1.4. Phương pháp nghiên cứu

#### 1.4.1. Lựa chọn địa bàn và doanh nghiệp nghiên cứu

Do hạn chế về thời gian và nguồn lực, nên nghiên cứu chỉ tập trung vào khai thác khoáng sản titan ở tỉnh Bình Định. Bên cạnh thu thập các thông tin thứ cấp về tổng quan khai thác titan ở Bình Định, nhóm nghiên cứu đã thực hiện điều tra, phỏng vấn sâu ở một số doanh nghiệp khai thác titan ở huyện Phù Mỹ và Phù Cát. Các doanh nghiệp được lựa chọn dựa trên tiêu chí là những doanh nghiệp được cộng đồng dân cư, các cấp quản lý đánh giá là có quy mô đầu tư và chiến lược sản xuất kinh doanh tương đối bài bản. Đây cũng là các doanh nghiệp tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật và có trách nhiệm xã hội như bảo vệ môi trường, chia sẻ lợi ích với cộng đồng. Ngoài ra, để đảm bảo so sánh, với mỗi loại hình doanh nghiệp phải đảm bảo yêu cầu chỉ khai thác trên địa bàn 01 xã để đảm bảo việc bóc tách các khoản đóng góp, hỗ trợ của doanh nghiệp cho cộng đồng. Ngoài ra, các doanh nghiệp được lựa chọn cũng phải đảm bảo là các doanh nghiệp đã có số liệu điều tra, thống kê liên tục trong nhiều năm từ 2000 hoặc từ 2005 đến nay theo kết quả điều tra doanh nghiệp hàng năm của Cục thống kê tỉnh Bình Định.

Trên cơ sở các tiêu chí nêu trên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành làm việc với các cơ quan liên quan của huyện Phù Cát, huyện Phù Mỹ và thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định trong 2 giai đoạn (từ 23 - 28/10/2012 và từ 2 - 9/12/2012). Kết quả đã chọn được 02 doanh nghiệp để thực hiện nghiên cứu

sâu bao gồm (1) Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định - gọi tắt là Bimico và (2) Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Khoáng sản Ban Mai - gọi tắt là Ban Mai.

### **1.4.2. Phương pháp thu thập số liệu**

Để đảm bảo thu thập đầy đủ số liệu cho phân tích, đánh giá; nghiên cứu đã thực hiện các phương pháp sau đây:

- Thu thập tài liệu và số liệu thứ cấp: Thu thập các nghiên cứu, phân tích đánh giá liên quan đến khai thác và chế biến titan.
- Phỏng vấn: Thực hiện khai phỏng vấn lãnh đạo các cơ quan quản lý về tài nguyên khoáng sản và môi trường của tỉnh Bình Định; đại diện UBND cấp huyện, xã (huyện Phù Mỹ, Phù Cát); đại diện các doanh nghiệp, công nhân và cộng đồng vùng đang khai thác titan.
- Điều tra bằng bảng hỏi: Có hai loại bảng hỏi đã được sử dụng. Bảng thứ nhất nhằm thu thập các ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý các cấp về các tác động tích cực cũng như tiêu cực của hoạt động khai thác titan. Bảng hỏi thứ hai được sử dụng để thu thập các thông tin, số liệu tại cấp hộ gia đình phục vụ cho việc tính toán các thiệt hại từ khai thác titan đối với cộng đồng.
- Quan sát thực địa: Quan sát, chụp ảnh về tình hình khai thác, chế biến và môi trường tại các điểm khai thác khoáng sản; các tác động tích cực và tiêu cực của hoạt động khai thác khoáng sản (tác động lan tỏa của hoạt động khai thác đối với phát triển kinh tế - xã hội/ hiện trạng ô nhiễm môi trường, phục hồi môi trường/ Thiệt hại đến cơ sở hạ tầng),...
- Tham vấn chuyên gia: Tổ chức các buổi tọa đàm trao đổi, tham vấn chuyên gia về phương pháp, nội dung nghiên cứu và đóng góp ý kiến cho việc hoàn thiện báo cáo.

### **1.4.3. Phương pháp phân tích, xử lý thông tin**

#### **a. Phương pháp phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội**

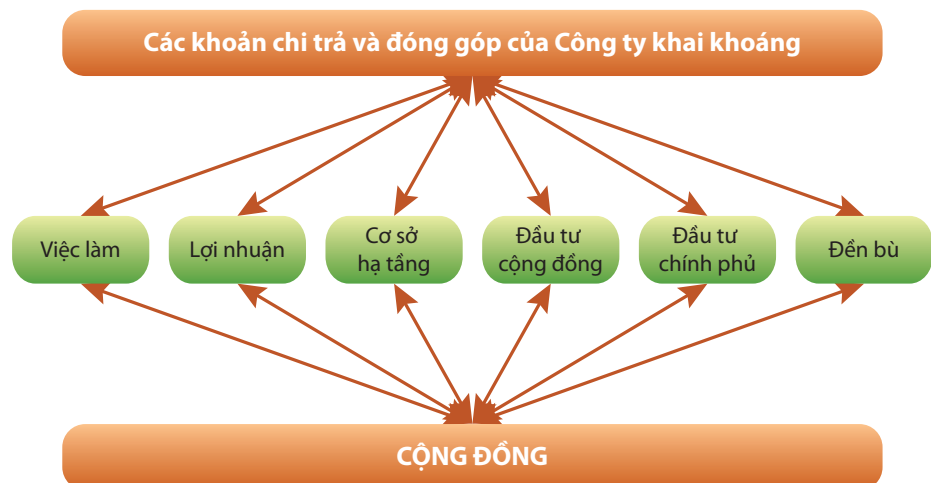
Hiệu quả kinh tế - xã hội được đánh giá dựa trên lợi ích mà xã hội thu được trừ đi các chi phí mà xã hội phải bỏ ra hoặc phải gánh chịu do các tác động từ hoạt động khai khoáng.

Lợi ích kinh tế-xã hội là tổng thể các lợi ích mà xã hội nhận được từ các hoạt động của dự án. Các lợi ích này bao gồm giá trị sản phẩm gia tăng, lợi nhuận của doanh nghiệp, các khoản nộp cho ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm cho người lao động...

Chi phí kinh tế - xã hội là những khoản chi tiêu hay tổn thất mà Nhà nước và xã hội phải gánh chịu khi thực hiện dự án. Các khoản chi tiêu hay tổn thất này bao gồm (1) Tài nguyên thiên nhiên của đất nước phải dành cho dự án, mà loại tài nguyên này hoàn toàn có thể sử dụng vào việc khác trong một tương lai gần để sinh lợi (2) cơ sở hạ tầng kinh tế và văn hóa xã hội mà Nhà nước phải bỏ vốn từ ngân sách để xây dựng phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp các hoạt động khai thác khoáng sản, (3) lực lượng lao động nghề nghiệp mà Nhà nước đã phải bao cấp trong đào tạo, các lực lượng này được dự án sử dụng. (4) chi phí quản lý chung của Nhà nước để tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và (5) các tổn thất về kinh tế, xã hội và môi trường mà nhà nước và nhân dân phải gánh chịu khi thực hiện dự án đang xét.

#### **b. Phân chia lợi ích giữa các chủ thể liên quan trong khai khoáng**

Để phân tích về phân chia lợi ích giữa các bên liên quan trong hoạt động khai thác khoáng sản nghiên cứu đã ứng dụng mô hình nghiên cứu, phân tích của ngân hàng Thế giới được mô tả như ở sơ đồ dưới đây:



Nguồn: World Bank (2011)

Tại Việt Nam, vấn đề phân chia lợi ích với địa phương, người dân được quy định tại Điều 5 của Luật Khoáng sản 2010. Tuy nhiên, bảo vệ quyền lợi người dân vùng có hoạt động khoáng sản (Điều 5) chưa được quy định chi tiết trong Nghị định số 15/2012/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản 2010. Trong khi đó Quyết định số 219/1999/QĐ-TTg (về chính sách bảo vệ quyền lợi người dân vùng có hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác) đã hết hiệu lực. Chính vì vậy, quyền lợi của người dân vùng có khoáng sản được khai thác được quy định khác nhau giữa các địa phương và trong nhiều trường hợp quyền lợi này bị bỏ quên trong quá trình quản lý, điều tiết các nguồn thu / lợi ích từ hoạt động khai khoáng.

## Điều 5. Quyền lợi của địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác

1. Địa phương nơi có khoáng sản được khai thác được Nhà nước điều tiết khoản thu từ hoạt động khai thác khoáng sản để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có trách nhiệm:
  - a) Hỗ trợ chi phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định của pháp luật;
  - b) Kết hợp khai thác với xây dựng hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ, phục hồi môi trường theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản; nếu gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác thì tùy theo mức độ thiệt hại phải có trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường theo quy định của pháp luật;
  - c) Ưu tiên sử dụng lao động địa phương vào khai thác khoáng sản và các dịch vụ có liên quan;
  - d) Cùng với chính quyền địa phương bảo đảm việc chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân có đất bị thu hồi để khai thác khoáng sản.
3. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định khác có liên quan.

## 1.5. Hạn chế của nghiên cứu

Do thời gian nghiên cứu hạn chế cùng với không có đầy đủ thông tin từ các cơ quan liên quan nên nghiên cứu này còn có một số hạn chế chủ yếu sau:

1. Nghiên cứu mới chỉ được tiến hành trên địa bàn tỉnh Bình Định đối với đơn khoáng titan và chưa phân tích được những tổn thất khoáng sản titan và các khoáng sản đi kèm khác trong quá trình khai thác, chế biến.
2. Chưa lượng hóa được hết các tác động tiêu cực từ hoạt động khai khoáng titan như tác động tới sức khỏe của dân cư tại vùng khai thác.
3. Chưa đánh giá được những tổn thất do khai thác titan hiện nay so với những giá trị mang lại khi khai thác khoáng sản trong tương lai bởi khoáng sản là loại tài nguyên không tái tạo và càng để trong lòng đất càng có giá trị theo thời gian.





Phần

2

Hiệu quả kinh tế - xã hội, phân chia lợi ích và quản lý nguồn thu trong khai thác titan tại Bình Định

## 2.1. Giới thiệu khái quát về tỉnh Bình Định

Bình Định là tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp biển Đông. Tỉnh có 11 đơn vị hành chính gồm 10 huyện, thị xã và thành phố Quy Nhơn với tổng diện tích tự nhiên là 6.039 km<sup>2</sup> và dân số 1.485.943 người. Đây là tỉnh có tiềm năng về kinh tế biển, với chiều dài bờ biển 134km, vùng lãnh hải rộng 2.500km<sup>2</sup> và vùng đặc quyền kinh tế rộng 40.000km.

Hình 1: Bản đồ hành chính tỉnh Bình Định



Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Định.

Bình Định là một trong những tỉnh có nguồn tài nguyên khá phong phú với 154 mỏ, điểm quặng của 24 loại khoáng sản, trong đó có nhiều loại khoáng sản quý hiếm như đá granite (trừ lượng 700 triệu m<sup>3</sup>), quặng sa khoáng titan (trừ lượng 2,5 triệu tấn ilmenite, tập trung ở các huyện Phù Cát, Phù Mỹ và xã Nhơn Lý – thành phố Quy Nhơn). Các mỏ vàng tập trung phân bố ở các khu vực Vĩnh Kim, Vạn Hội, Kim Sơn, Tiên Thuận, trong đó mỏ Tiên Thuận được đánh giá là có tiềm năng lớn nhất.

Trong những năm qua, công nghiệp khai thác khoáng sản đã có những đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định. Theo đó, giá trị sản xuất của ngành khai khoáng so với tổng giá trị sản xuất của tỉnh đã tăng từ 1,46% năm 2000 lên 2,61% vào năm 2011 và giá trị sản xuất bằng 5,02% năm 2000 lên 9,18% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh năm 2011.

**Bảng 1: Đóng góp của khai thác khoáng sản vào giá trị sản xuất của Bình Định**

	2000	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
<b>So với tổng thể (%)</b>	1,46	1,30	1,57	1,69	1,93	1,53	2,07	1,68	1,41	1,56	2,61
<b>So với công nghiệp (%)</b>	5,02	4,77	5,07	5,03	6,11	4,57	6,28	5,44	4,64	5,11	9,18

*Nguồn: Niên giám thống kê Bình Định.*

Về thực thi pháp luật, trên cơ sở quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, tỉnh Bình Định đã ban hành nhiều văn bản quản lý, chỉ chỉ đạo điều hành nhằm tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động khoáng sản (xem danh mục các chính sách liên quan đến khai thác của tỉnh Bình Định ở phụ lục 1).

## 2.2. Khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản titan tại Bình Định

### 2.2.1. Tiềm năng khoáng sản titan ở Bình Định

Bình Định có dải cồn cát ven biển dài trên 100 km từ khu vực Tam Quan đến Quy Hoà, Quy Nhơn với tổng diện tích vào khoảng 5000 ha (chiếm 0,83% diện tích tự nhiên của tỉnh). Phần lớn trong các cồn cát ven biển Bình Định đều có chứa quặng sa khoáng titan với quy mô trữ lượng sa khoáng (năm 2007) đạt trên 10 triệu tấn, gồm các khoáng vật ilmenit, Rutil, Anataz, Leucocen, Zircon, Monazit; trong đó Inmenit là khoáng vật chủ yếu chiếm trên 90%. Zircon, Monazit có chứa các nguyên tố phóng xạ, nơi nào hàm lượng quặng càng giàu thì thường có cường độ phóng xạ càng cao. Đặc điểm và hàm lượng quặng ở các vùng như sau<sup>3</sup>:

- Vùng cồn cát Hoài Nhơn: Chiều dài khoảng hơn 16 km, chiều rộng từ bờ biển vào khoảng 100 – 800m. Hàm lượng quặng khoảng 0,3 – 5,6% (tương đương 4,5 – 95 kg/m<sup>3</sup>). Tài nguyên quặng sa khoáng khoảng 0,4 triệu tấn;
- Vùng Phù Mỹ: Chiều dài các dải quặng khoảng 29 km, chiều rộng cồn cát ven biển khoảng 500 – 2500m. Hàm lượng khoáng vật quặng từ 0,3 – 28,8% (4,5 – 490 kg/m<sup>3</sup>). Tổng tài nguyên quặng khoảng 9,2 triệu tấn;
- Vùng Phù Cát: Khu vực mỏ Đê Gi có diện tích khoảng 7,8 km<sup>2</sup>, hàm lượng khoáng vật quặng 5 – 250 kg/m<sup>3</sup>, tổng tài nguyên hơn 1,5 triệu tấn. Vùng

3. Phạm Bình Quyền (CRES – ĐHQG Hà Nội), Phạm Văn Thanh, Đặng Trung Thuận (Hội địa hoá Việt Nam), Tác động của việc khai thác sa khoáng titan inmenit đến môi trường tự nhiên ven biển tỉnh Bình Định

phía nam mỏ Đê Gi chiều dài cồn cát chứa quặng khoảng 12 km, rộng 250 - 3000 m. Hàm lượng khoáng vật trung bình khoảng 0,7 - 1,3% (10,5 - 21 kg/m<sup>3</sup>). Tổng tài nguyên quặng khoảng 1,1 triệu tấn;

- Vùng Trung Lương - Nhơn Hội: Vùng này gồm các dải cồn cát chứa quặng dài khoảng 17 km, chiều rộng 250 - 4500 m. Hàm lượng quặng 0,3 - 24,4% (4,5 - 415kg/m<sup>3</sup>). Tổng tài nguyên quặng sa khoáng khoảng 5,7 triệu tấn. Hiện nay vùng này đang được khai thác tận thu xây dựng khu kinh tế Nhơn Hội.

Sa khoáng titan ở Bình Định là loại khoáng sản có giá trị kinh tế cao và điều kiện khai thác khá dễ dàng. Các mỏ nằm dọc theo trục đường ven biển Nhơn Hội - Tam Quan nên rất thuận lợi cho việc vận chuyển sản phẩm ilmenit đến cảng biển Quy Nhơn và các nơi tiêu thụ khác do đó, trong những năm gần đây việc khai thác sa khoáng titan ở Bình Định đang được đẩy mạnh cả về quy mô và tốc độ.

### **2.2.2. Cấp phép khai thác khoáng sản titan**

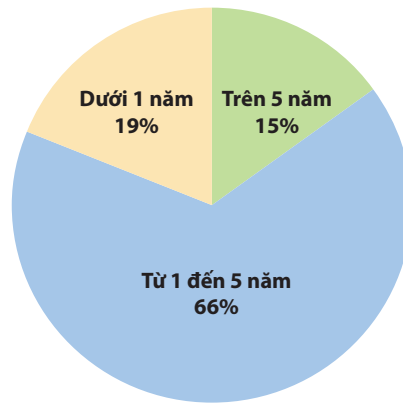
Khai thác sa khoáng titan ở Bình Định bắt đầu từ những năm 1983 - 1984 bằng phương pháp thủ công nên hiệu quả rất thấp và gây thất thoát tài nguyên lớn. Đến khoảng năm 1995 công ty Bimal (liên doanh với Malaysia) được thành lập, lúc đó ngành khai khoáng titan của Bình Định mới bước đầu tiếp cận với công nghệ hiện đại. Do nhu cầu của Thế giới (đặc biệt là Trung quốc) tăng nhanh nên khai thác titan ở Bình Định tăng mạnh từ năm 2000 và phát triển rầm rộ, ồ ạt từ năm 2005 đến nay.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định có 24 doanh nghiệp hoạt động khai thác, chế biến titan, với 43 giấy phép đang còn hiệu lực. Trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp 7 giấy phép với tổng diện tích 1.129,3 ha, công suất 250.830 tấn/năm; UBND tỉnh Bình Định cấp 36 giấy phép với diện tích 655,9 ha, công suất 521.914 tấn/năm. Trong khi diện tích khai thác trung bình của 1 giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp là 161,3 ha thì các giấy phép do UBND tỉnh cấp là tương đối manh mún, chỉ 18,2 ha (chỉ bằng 1/9 lần diện tích/giấy phép của Bộ cấp). Do cấp phép manh mún nên số lượng doanh nghiệp khai thác titan ở trên địa bàn tương đối nhiều, cá biệt như xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ hiện đang có tới 14 công ty khai thác sa khoáng titan, với tổng số 27 giấy phép, trong đó tỉnh cấp 24 (13 giấy phép còn hiệu lực). Nhiều doanh nghiệp khai thác titan được hình thành từ các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác trước đây nên năng lực và kinh nghiệm trong khai thác khoáng sản còn nhiều hạn chế, kém hiệu quả và khó kiểm soát.

Hầu hết các dự án khai thác titan trên địa bàn tỉnh có thời gian ngắn. Số dự án có thời hạn dưới 5 năm chiếm tỷ trọng cao, chiếm 66%. Trong khi đó số dự án có thời hạn khai thác titan từ 5 năm trở lên chỉ chiếm 15%. Đặc biệt, có tới 19% số dự án có thời hạn khai thác dưới 1 năm và chỉ có 5 dự án có thời hạn trên 10 năm là: i) Công ty Bimico (10 năm); ii) Công ty Ánh Vy (13,5 năm); Công ty Biotan (14 năm); iv) Công ty Phú Hiệp (15 năm); và v) Công ty khoáng sản và thương mại Bình Định (14 năm). Việc cấp phép khoáng sản titan với thời hạn ngắn có ảnh hưởng lớn đến việc đầu tư, chế biến sâu titan. Bởi lẽ trước khi Chính phủ chỉ thị cấm xuất khẩu quặng thô, hầu hết các doanh nghiệp có thời hạn cấp phép ngắn hạn đều chủ yếu tập trung vào khai thác và xuất khẩu khoáng sản. Hơn nữa, điều này dẫn đến doanh nghiệp khai thác một cách vội vàng, bất chấp những tổn thất về tài nguyên và ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, với việc cấp phép cho các dự án khai thác hoạt động trong thời gian ngắn còn dẫn đến thất thu cho ngân sách nhà nước do các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi đầu tư về miễn giảm tiền thuê đất (đúng bằng thời gian hoạt động của dự án).



**Hình 2: Thời hạn của các dự án được cấp phép**



Nguồn: Báo cáo số 2423/BC-STNMT của Sở Tài nguyên – Môi trường

Việc khai thác titan ảnh hưởng đến diện tích rừng khá lớn, trong đó chủ yếu là rừng phòng hộ ven biển. Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, ngoài Khu kinh tế Nhơn Hội, diện tích đã được cấp phép khai thác titan là 1.654ha và đã có 1.178ha làm thủ tục thuê đất. Trong đó, diện tích rừng phòng hộ ven biển là 401,35 ha, chiếm 34%. Không chỉ mất đất rừng phòng hộ do việc cấp phép khai thác mà đối với những vùng đất khai thác xong đã được hoàn thổ và trồng cây xanh cũng được cấp phép để khai thác lại. Tại xã Mỹ Thành, công ty Thành An đã khai thác và trồng cây phục hồi môi trường nhưng sau đó lại tiếp tục được cấp phép cho công ty Mỹ Tài khai thác lại, hay như khu vực khai thác của công ty Khang Dương được cấp lại cho công ty Vạn Đại.

**2.2.3. Khai thác khoáng sản titan**

Số liệu từ Bảng 2 cho thấy sản lượng khai thác titan tại tỉnh Bình Định tăng nhanh qua các năm. Trong đó, quặng titan 52% TiO<sub>2</sub> năm 2011 đạt khoảng 539,3 nghìn tấn, gấp 4,2 lần năm 2005. Tốc độ tăng về sản lượng khai thác giai đoạn 2000 - 2011 đạt khoảng 30%/năm (2000 - 2005: 30,1%; giai đoạn 2006 - 2011: 29,85%). Tỷ trọng sản lượng khai thác của tỉnh Bình Định so với cả nước có xu hướng tăng qua các năm, đặc biệt trong những năm gần đây luôn chiếm trên 50% sản lượng khai thác của cả nước.

**Bảng 2: Sản lượng khai thác titan của cả nước và tỉnh Bình Định** (đơn vị: 1.000 tấn)

Năm	Cả nước	Bình Định: Quặng Titan 52%TiO <sub>2</sub>	Bình Định so với cả nước (%)
2001	155	43	27,74%
2002	213	45,7	21,46%
2003	354,3	72	20,32%
2004	464,5	116,5	25,08%
2005	404,9	128,3	31,69%
2006	437,4	162,5	37,15%
2007	574,1	305,6	53,23%
2008	681,6	355	52,08%
2009	631,3	334,4	52,97%
2010	592,4	418,3	70,61%

Nguồn: + Số liệu cả nước: Bộ Công - Thương  
+ Số liệu tỉnh Bình Định: Niên giám thống kê tỉnh Bình Định.



### Hộp 1: Khai thác titan tại Bình Định: Báo động đỏ!

Theo quy hoạch khai thác titan đến năm 2010 của tỉnh Bình Định, sản lượng sản phẩm titan đạt 52% là 100.000 tấn và xỉ titan 10.000 tấn. Tuy nhiên, đến nay, Bình Định đã báo động “đỏ” việc khai thác và chế biến khoáng sản titan đã vượt quá quy hoạch cho phép. Trên địa bàn tỉnh Bình Định đến nay đã có 30 giấy phép khai thác với công suất thiết kế 620.000 tấn/năm. Như vậy, việc cho phép khai thác, tách tuyển và chế biến xỉ titan của tỉnh Bình Định đã vượt quá quy hoạch của tỉnh và của cả nước. Tuy nhiên, điều đáng quan tâm là việc cấp phép khai thác và chế biến titan “tràn lan” như hiện nay tại tỉnh Bình Định đã gây nhiều bức xúc cho cán bộ và nhân dân.

Đó là việc khai thác sản lượng quá lớn, không đủ điều kiện chế biến sâu để xuất khẩu, nên có tình trạng gian lận cho xuất khẩu titan thô gây lãng phí tài nguyên. Thêm vào đó, có lúc, có nơi khai thác ồ ạt gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến nguồn nước ngầm sinh hoạt khu vực mỏ và xe vận chuyển khoáng sản làm hư hỏng đường sá ở địa phương gần khu vực mỏ. Nhiều đơn vị chỉ lo khai thác mà không tổ chức hoàn thổ và trồng lại rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát ven biển.

*Nguồn: <http://www.tienphong.vn/xa-hoi/174930/Khai-thac-titan-tai-Binh-Dinh-Bao-dong-do%C2%A0.html>.*

Công nghệ sử dụng của các công ty khai thác và tuyển quặng ở các điểm mỏ khai thác titan ven biển Bình Định tương đối giống nhau. Phương thức khai thác chủ yếu là làm bè nổi trên hồ nước ngầm lấy từ cồn cát. Trên mỗi bè lắp đặt cụm 8 – 12 vis xoắn bơm hút hỗn hợp cát, quặng và nước đưa lên vis xoắn để tuyển. Cơ chế hoạt động của vis xoắn là sử dụng phương pháp trọng lực tuyển ướt để tách các khoáng vật nặng đạt hàm lượng 55 - 60% ra khỏi cát. Quặng sau khi tuyển thô được vận chuyển về các xưởng để chuyển sang bước tuyển tinh tách riêng các loại tinh quặng như ilmenit, Rutil, Zircon, Monazit bằng phương pháp tuyển từ và điện từ.

#### 2.2.4. Chế biến khoáng sản titan

Theo thống kê của Sở Công-Thương tỉnh Bình Định cho thấy, phần lớn các doanh nghiệp titan đã và đang hoạt động chủ yếu là khai thác quặng thô (Bảng 3). Lợi dụng hình thức “khai thác tận thu”, nhiều đơn vị khai thác và chế biến quặng titan chỉ đầu tư nửa vơi để tách được ilmenit, phần còn lại giàu zircon, rutil và monazit được bán ra nước ngoài ở dạng thô. Nhiều đơn vị khai thác chạy theo sản lượng, khai thác nhanh, không tuân thủ quy trình làm tăng tỷ lệ thất thoát quặng trong cát thải. Chế biến quặng tinh, nghiền mịn zircon chỉ mới được thực hiện ở số ít doanh nghiệp khai thác và chế biến quặng titan, còn lại chủ yếu là sản xuất tinh quặng để xuất khẩu.

**Bảng 3: Số lượng doanh nghiệp khai thác titan tại Bình Định**

Stt	Công ty	Khai thác	Chế biến			
			Tuyển tinh	Xi Titan	Ilmenite hoàn nguyên	Zircon
1	Bimico	X	X	X		X
2	BanMai	X	X		X	X
3	DtuKthuatBinhDinh	X		Dự án		
4	Biotan	X	X	X		
5	SG-QN	X		X		
6	KSTMBinhDinh	X		Dự án		
7	PhuHiep	X	X	Dự án		
8	TanPhat	X	X	Dự án		
9	AnhVy	X	X	Dự án		
10	VanDai	X	X	X		
11	ThanhAn	X	X			
12	VietDuong	X	X			
13	AnTruongAn	X				
14	DvuHBC	X				
15	SG-NhonHoi	X				
16	KimTrieu	X				
17	MyDuc	X				
18	TuLuc	X				
19	KSXNKBinhDinh	X				
20	TinHung	X				
21	ThanhNien	X				
22	ThoiThuan	X				
23	MyTai	X				
24	NhonLoc	X				

Nguồn: Thống kê và phân loại của Sở Công – Thương tỉnh Bình Định năm 2011.

Có đến 10 trong tổng số 24 doanh nghiệp hoạt động khai thác quặng titan trên địa bàn tỉnh không đầu tư dây chuyền chế biến. Công suất chế biến quặng titan của các doanh nghiệp vẫn còn rất thấp, chưa đáp ứng công suất khai thác của chính doanh nghiệp mình (đa phần chỉ đáp ứng được dưới 50% tổng sản lượng khai thác). Điều này sẽ đẩy xu hướng xuất khẩu quặng thô trên địa bàn Bình Định.

## 2.2.5. Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai khoáng titan

### 2.2.5.1. Nộp ngân sách nhà nước và so sánh với doanh thu thuần phân theo cấp độ chế biến

Tổng hợp tình hình nộp ngân sách của các doanh nghiệp khai thác, chế biến quặng titan tại Bình Định trong các năm 2011 và 2012 được mô tả như bảng dưới đây:

**Bảng 4: Cơ cấu các loại thuế và phân theo cấp độ chế biến sa khoáng titan**

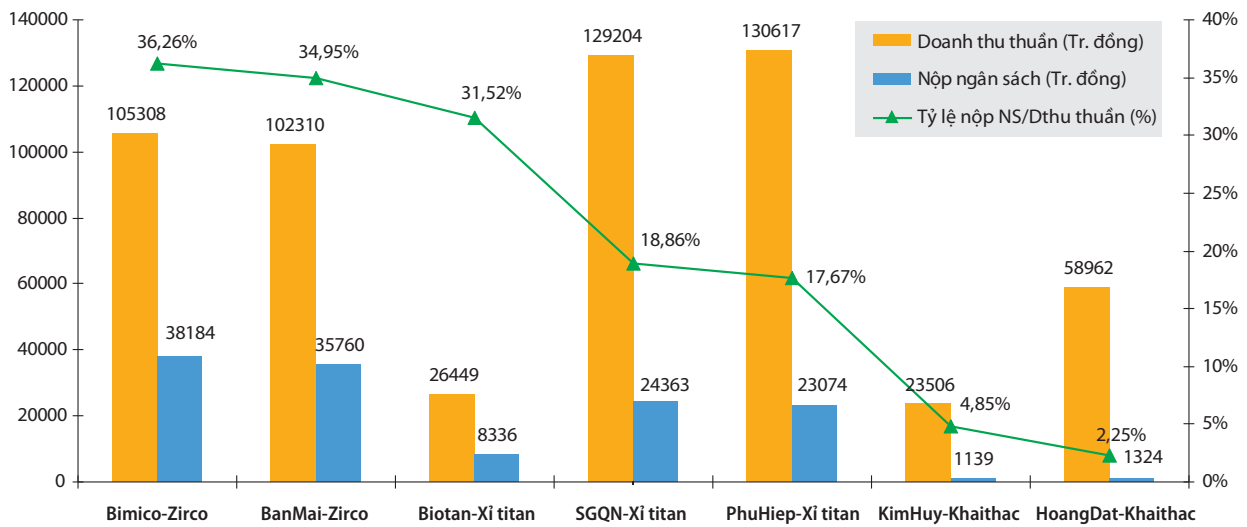
	Số công ty	Thuế XK	Thuế Tài nguyên	Phí BVMT	Thuế TNDN	Thuế GTGT	Tổng
<b>Năm 2011</b>							
Tổng thu (triệu đồng)	19	170.057	71.219	22.720	5.358		269.354
Cơ cấu thu		63,14%	26,44%	8,43%	1,99%		100%
<b>Các công ty đang hoạt động</b>							
Khaithac	10	0%	74,52%	23,86%	1,62%		100%
Xỉ titan	6	65,61%	23,50%	8,39%	2,50%		100%
Zircon	2	76,19%	18,09%	4,35%	1,37%		100%
<b>Năm 2012</b>							
Tổng thu (triệu đồng)	24	720.234	95.530	33.437	29.061	7.883	886.145
Cơ cấu thu		81,30%	10,80%	3,80%	3,30%	0,90%	100%
<b>Các công ty đang hoạt động</b>							
Khaithac	11	0%	61,64%	21,92%	0,80%	15,65%	100%
Xỉ titan	6	82,38%	10,95%	4,10%	2,36%	0,21%	100%
Zircon	2	87,88%	5,32%	1,66%	5,15%	0,00%	100%

Nguồn: + năm 2011: Sở Công – Thương Bình Định;  
+ năm 2012: Báo cáo của Sở Tài nguyên- Môi trường.

Từ bảng trên cho thấy, nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp khai thác titan tại Bình Định đã tăng mạnh trong năm 2012 (trên 886 tỷ đồng so với chỉ trên 269 tỷ đồng năm 2011). Số lượng doanh nghiệp có nhà máy chế biến sâu như nhà máy xỉ titan, zircon mặc dù có số lượng công ty hoạt động ít hơn nhưng lại nộp ngân sách nhiều hơn do phần lớn các sản phẩm này được chế biến và xuất khẩu ra ngoài với khung thuế suất xuất khẩu tương đối cao.

Hình 3 dưới đây cho thấy các công ty có đầu tư chế biến sâu có tỷ lệ nộp ngân sách trên doanh thu cao hơn so với các công ty không có chế biến sâu. Điển hình các công ty có mức độ chế biến sâu và tỷ lệ nộp ngân sách trên doanh thu cao như Bimico (tỷ lệ nộp ngân sách 36,36% so với doanh thu), Ban Mai (34,95%), Biotan (31,52%), Sài Gòn-Quy Nhơn (18,86%) và Phú Hiệp (17,67%); trong khi đó các công ty chỉ khai thác quặng thô như Kim Huy, Hoàng Đạt thì tỷ lệ nộp ngân sách trên doanh thu thuần chỉ tương ứng là 4,85% và 2,25%.

**Hình 3: Tỷ lệ nộp ngân sách trên doanh thu thuần phân theo cấp độ chế biến**



Nguồn: Kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2010.

Kết quả trên và trên quan điểm sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên khoáng sản có thể nhận thấy thay vì gia tăng sản lượng khai thác, cần gia tăng các yêu cầu về chế biến sâu đối với các công ty để nhà nước có thêm nguồn thu ngân sách cũng như tiết kiệm được tài nguyên cho thế hệ tương lai.

## 2.3. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội trong khai thác titan tại Bình Định.

### 2.3.1. Tổng hợp ý kiến đánh giá của cán bộ các cấp quản lý về các tác động tích cực và tiêu cực từ khai thác titan

Nhằm có những thông tin ban đầu về các tác động tích cực và tiêu cực từ hoạt động khai thác khoáng sản titan, nghiên cứu đã tiến hành lấy ý kiến đối với 21 đại diện các cơ quan quản lý cấp sở, ngành, huyện Phù Mỹ, Phù Cát, xã Mỹ Thành và xã Cát Thành (danh sách phỏng vấn ở phụ lục 2) và cho điểm về mức độ quan trọng đối với các tác động tích cực và tiêu cực từ hoạt động khai thác khoáng sản titan như liệt kê ở bảng 5 dưới đây:

**Bảng 5: Mức độ quan trọng của các lợi ích và chi phí từ khai thác titan**

Lợi ích của khai thác titan mang lại		Tác động tiêu cực do khai thác titan	
Đóng góp vào nguồn thu ngân sách	<b>0,23</b>	Ảnh hưởng bất lợi đến sinh kế của người dân địa phương	<b>0,09</b>
Tạo việc làm cho lao động địa phương	<b>0,21</b>	Ảnh hưởng đến ngành khác	<b>0,14</b>
Đầu vào cho các ngành khác trong nền kinh tế	<b>0,11</b>	Cộng đồng vùng khai thác đang đối mặt về những vấn đề xã hội	<b>0,20</b>
Có tạo cơ hội cho ngành khác của địa phương phát triển	<b>0,09</b>	Tác động đến cảnh quan môi trường (phong cảnh, sạt lở bờ biển,...)	<b>0,20</b>
Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội của địa phương	<b>0,16</b>	Gây ảnh hưởng môi trường (bụi, nhiễm bẩn nguồn nước,...)	<b>0,20</b>
Đóng góp hỗ trợ phúc lợi xã hội khác cho địa phương	<b>0,20</b>	Ảnh hưởng tới hệ thống cơ sở hạ tầng	<b>0,17</b>
<b>Tổng trọng số</b>	<b>1</b>	<b>Tổng trọng số</b>	<b>1</b>

*Nguồn: Điều tra, tính toán của nhóm nghiên cứu*

Trên cơ sở đánh giá định tính này, một số tác động tích cực và tiêu cực sẽ tiếp tục được lượng hóa và phân tích sâu tại nghiên cứu điểm về hoạt động khai khoáng titan của công ty Ban Mai tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ và của công ty Bimico tại xã Cát Thành, huyện Phù Cát.

### **2.3.2. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội trong khai thác titan của công ty Ban Mai tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ**

Xã Mỹ Thành là xã ven biển, nằm phía Đông của huyện Phù Mỹ, cách trung tâm huyện khoảng 16 km. Xã có tổng diện tích tự nhiên là 3.511,55 ha, trong đó: Đất nông nghiệp là 1.050,89 ha, đất phi nông nghiệp là 1.222,18 ha còn lại đất sử dụng mục đích khác. Toàn xã có 9 thôn với 2.360 hộ và 10.254 nhân khẩu. Tỷ lệ hộ nghèo của xã là 14,11% (333 hộ nghèo).

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khoáng sản Ban Mai được thành lập năm 2002. Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là thăm dò, khai thác, chế biến và tiêu thụ khoáng sản titan. Công ty Ban Mai có 3 giấy phép khai thác trên địa bàn xã Mỹ Thành với tổng diện tích 33,27 ha. Diện tích đã thực hiện thuê đất là 22,97 ha. Lãnh đạo công ty Ban Mai cho biết từ trước đến nay công ty chỉ khai thác trên diện tích ấy, nhiều khu vực công ty khai thác xong lại xin giấy phép khai thác lại. Do đó, về cơ bản các khu vực khai thác của Ban Mai kể từ năm 2002 chưa được hoàn thổ và trồng cây phục hồi môi trường.

**Bảng 6: Giấy phép khai thác của Ban Mai trên địa bàn xã Mỹ Thành**

TT	Giấy phép	D.tích cấp phép (ha)	Thời hạn cấp phép
1	Số 102/GP-UBND, ngày 25/11/2011	9,77	25/11/2013
2	Số 13/GP-UBND, ngày 09/3/2009	3,00	09/3/2012
3	Số 109/GP-UBND, ngày 05/12/2011	20,50	05/12/2014

*Nguồn: Báo cáo số 2423/BC-STNMT, của Sở Tài nguyên- Môi trường*

Khu vực khai thác hiện nay của công ty Ban Mai nằm trên địa bàn thôn Hưng Lạc, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ. Thôn Hưng Lạc có 236 hộ gia đình với 995 nhân khẩu, trong đó có 528 lao động. Thôn có diện tích trồng lúa là 9,6 ha; đất hoa màu (phần lớn là trồng hành lá) 8 ha và diện tích đất làm muối 19,5 ha và một phần nhỏ diện tích nuôi tôm. Số hộ nghèo trong thôn là 39 hộ (chiếm 16,53%). Toàn thôn hiện có 260 lao động đang làm việc tại công ty khai thác titan, chiếm 49,24% tổng số lao động của thôn. Hiện nay trên hiện trường công ty Ban Mai có 3 phân khu khai thác (mỗi phân khu có 6 bè), 1 phân xưởng tuyển tinh với công suất 50.000 tấn/năm và 1 xưởng chế biến sâu với công suất 12.000 tấn/năm.

### 2.3.2.1. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty

Bảng 7 dưới đây trình bày tình hình sản xuất kinh doanh của công ty Ban Mai từ năm 2004 đến năm 2010.

**Bảng 7: Tình hình sản xuất của công ty Ban Mai**

Năm	Lao động (người)	Vốn đầu tư (Tr. đồng)	Tài sản (Tr. đồng)	Khối lượng sản xuất (tấn)	Doanh thu thuần (tr. đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tr. đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tr. đồng)	Nộp ngân sách (tr. đồng)
2004	124	NA						
2005	124	7565	39074					
2006	160	5890	42078	28754	32504	7583	7331	1654,6
2007	209	16321	56194	53421	73193	27464	27464	7834
2008	138	1822	58556	53421	98726	39454	39217	20230
2009	236	1592	45635	49256	79248	12449	12329	16039
2010	243	288	82671	44372	102310	34038	33669	35760
<b>TB</b>	<b>176</b>	<b>5579,7</b>	<b>54034,7</b>	<b>45844,8</b>	<b>77196,2</b>	<b>24197,6</b>	<b>24002,0</b>	<b>16303,5</b>

Nguồn: + Cung cấp của công ty Ban Mai  
+ Kết quả điều tra Doanh nghiệp 2000-2010.

Bảng trên cho thấy lợi nhuận trước thuế hàng năm của công ty Ban Mai đạt khoảng 24,197 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước đạt trung bình 16,303 tỷ đồng và tạo công ăn việc làm cho khoảng 176 lao động hàng năm. Đây là mức lợi nhuận và đóng góp ngân sách tương đối lớn đối với một doanh nghiệp ở địa phương.

### 2.3.2.2. Góp phần giải quyết công ăn, việc làm và tác động xã hội tích cực

Việc phát triển khai thác titan có những đóng góp nhất định về giải quyết việc làm tại địa phương. Hoạt động khai thác titan của công ty Ban Mai đã thu hút 265 lao động địa phương của xã Mỹ Thành (trong tổng số 662 lao động của 14 công ty khai thác titan tại đây). Với mức thu nhập của công nhân tại công ty trung bình khoảng 4 triệu đồng/tháng, đã góp một phần vào tạo công ăn việc làm và xóa đói giảm nghèo tại các xã có khai thác titan.

Hoạt động khai thác titan không chỉ đóng góp vào việc giải quyết việc làm mà còn có những tác động lan tỏa đối với phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tại xã Mỹ Thành do có nhiều công ty hoạt động, buôn bán, dịch vụ (cà phê, cắt tóc gội đầu..) của xã tăng nhiều so với trước đây. Một loại tác động khác đó là việc khai thác titan đã thúc đẩy quá trình “đô thị hóa”. Cách

đây 10 năm, xã Mỹ Thành vẫn là một xã nghèo ven biển, thu nhập chủ yếu là từ trồng trọt, chăn nuôi, làm muối,... Tuy nhiên, do phát triển khai thác titan trong 10 năm qua, cơ cấu kinh tế của xã Mỹ Thành đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Hiện nay xã Mỹ Thành đang xây dựng để án để hình thành đô thị loại 5 vào năm 2020 theo hướng gắn phát triển công nghiệp và cảng cá trong vùng Đê Gi.

Bên cạnh những lợi ích mang lại, hoạt động khai thác titan của công ty Ban Mai cũng để lại nhiều tác động tiêu cực đối với các ngành kinh tế khác và những thiệt hại về giá trị môi trường, giá trị sinh thái, sức khỏe của người dân vùng khai thác, cụ thể như sau:

### 2.3.2.3. Thiệt hại đối với trồng trọt

Nghiên cứu thực địa cho thấy khai thác titan đã tác động mạnh vào việc suy giảm mạch nước ngầm cũng như tạo ra cát bụi làm nhiễm bẩn môi trường. Những tác động này trực tiếp ảnh hưởng đến năng suất của các loại cây trồng như các cây trồng, đặc biệt là 2 loại cây ăn quả là điều và xoài trong vùng.

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành thảo luận với lãnh đạo thôn, hội nông dân và khảo sát tại 35 hộ gia đình của thôn Hưng Lạc về năng suất của từng loại cây này cách đây 5 năm và hiện nay để so sánh suy giảm năng suất các loại cây trồng. Bên cạnh đó cũng đã liệt kê những nhân tố có khả năng ảnh hưởng đến năng suất của cây trồng bao gồm tác động của điều kiện thời tiết, kỹ thuật canh tác, dịch bệnh, đầu tư chăm bón, nguồn nước ngầm suy giảm và cát bụi do khai thác titan... Đa phần các ý kiến của chính quyền địa phương và người dân đều cho rằng những tác động từ khai thác titan là nguyên nhân chính dẫn đến năng suất cây điều và xoài giảm trong 5 năm qua. Tính toán giá trị thiệt hại đối với trồng trọt tại khu vực bị ảnh hưởng bởi khai thác titan được tính toán dựa trên công thức sau đây:

$$TH = \sum (S_i * W_i * P_i)$$

Trong đó:

$S_i$ : Số cây/ diện tích cây trồng bị thiệt hại tại thôn Hưng Lạc trong một năm- được thu thập thông qua điều tra hộ gia đình hoặc qua thống kê

$W_i$ : Thiệt hại về năng suất của loại cây trồng

$P_i$ : Giá bán của loại cây trồng

Dựa vào kết quả phỏng vấn về việc suy giảm năng suất của cây điều và xoài trên địa bàn thôn Hưng Lạc (năng suất cây điều cách đây 5 năm là 10kg/cây và hiện nay chỉ còn 3 kg/cây; mức giảm năng suất bình quân năm: 1,2 kg/cây. Năng suất cây xoài cách đây 5 năm đạt 30 kg/cây và hiện nay là 20 kg/cây; giảm năng suất bình quân năm: 2 kg/cây); kết quả tính toán thiệt hại đối với cây Điều và Xoài trên địa bàn thôn Hưng Lạc được trình bày tại bảng dưới đây:

**Bảng 8: Thiệt hại do giảm năng suất của cây điều và xoài ở thôn Hưng Lạc**

Loại cây	Số lượng cây	Năng suất giảm (kg /cây)	Giá bán (đồng/kg)	Thiệt hại (đồng)
Điều	1029	1,2	12.000	14.817.600
Xoài	1003	2	4.000	8.024.000
<b>Tổng</b>				<b>22.841.600</b>

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu



### 2.3.2.4. Thiệt hại do cát bay

Đất khai thác titan của công ty Ban Mai nói riêng và các công ty trên địa bàn Mỹ Thành nói chung phần lớn thuộc hệ thống đất rừng phòng hộ, chủ yếu là đất trồng rừng phi lao chắn cát<sup>4</sup>. Việc triệt phá các rừng cây phi lao cho khai thác titan một mặt làm ảnh hưởng đến khả năng chống cát bay của rừng phòng hộ và làm gia tăng lượng cát bay từ quá trình khai thác.

Ứng dụng kết quả nghiên cứu của tác giả Đặng Văn Thuyết (2006)<sup>5</sup> bằng “phương pháp chuyển dịch lợi ích” trong việc tính toán thiệt hại do cát bay tại vùng rừng phòng hộ nam Quảng Bình, là vùng có nhiều điều kiện giống với địa bàn xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, kết quả tính toán cho thấy thiệt hại do cát bay đối với khai thác titan của công ty Ban Mai trên địa bàn thôn Hưng Lạc hàng năm ước tính là: 157.891.575,0 đồng (158.685 đồng/người x 995 người).

### 2.3.2.5. Chi phí cơ hội của việc sử dụng đất

Như đã trình bày ở trên, đất khai thác titan phần lớn là đất trồng phi lao. Việc đất được sử dụng cho việc khai thác titan đồng nghĩa với việc mất cơ hội sử dụng đất cho hoạt động trồng phi lao. Hay nói cách khác thay cho việc khai thác titan, đất có thể được sử dụng để trồng phi lao cho mục đích kinh tế.

Để thực hiện tính toán, nghiên cứu sử dụng bảng tính chi phí trồng cây phục hồi môi trường theo đề án phục hồi môi trường của công ty Mỹ Tài và công ty Sài Gòn-Quy Nhơn đã được các cơ quan chức năng của tỉnh Bình Định thẩm định và phê duyệt<sup>6</sup>. Theo đó, định mức chi phí cho phủ xanh đối với 1ha đất sau khi khai thác titan được thể hiện ở bảng dưới đây:

**Bảng 9: Chi phí trồng cây phủ xanh đối với dự án khai thác titan**

Thông số	Công ty Mỹ Tài	Công ty Sài Gòn-Quy Nhơn
$C_c = S \cdot k \cdot [c_d + c_n + c_c + c_p + c_b]$		
S: diện tích cần phủ xanh (m <sup>2</sup> )	S=1 ha=10.000 m <sup>2</sup>	
k: số hố để trồng cây trên 1m <sup>2</sup> (hố/m <sup>2</sup> )	0,2	
$c_n$ : công đào một hố trồng cây (đồng/hố)	2.427,132	2.164,913
$c_c$ : chi phí mua cây non và trồng cây (đồng/hố)	7.974,802	7.748,891
$c_p$ : chi phí phân bón cho một hố trồng cây (đồng/hố)	972,553	912,617
$c_b$ : chi phí chăm sóc cây trong 03 năm và trồng dặm cây chết (đồng/hố)	8.084,340	7.545,898
$c_d$ : chi phí đất màu trên 1 hố trồng cây (đồng/hố)	0	0
<b><math>C_c</math>: Chi phí trồng cây phủ xanh đối với 1ha (đồng)</b>	<b>38.917.654,0</b>	<b>36.744.638,0</b>

Nguồn: Công ty Mỹ Tài và Sài Gòn – Quy Nhơn

Theo Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phù Cát và lãnh đạo xã Mỹ Thành thì phi lao trên địa bàn được trồng và chăm sóc với mật độ 1.500 cây / ha, sau 3 năm tỷ lệ sống đạt khoảng 95%. Đồng thời, thảo luận với người dân thôn Hưng Lạc về giá bán các loại cây phi lao 10 năm tuổi (bằng thời gian từ lúc công ty Ban Mai bắt đầu khai thác titan vào năm 2002 đến nay) là 100.000 đồng / cây. Áp dụng kết quả chi phí như đề án phục hồi môi trường của công ty Mỹ tài như ở bảng trên thì các thông số tính toán cho chi phí cơ hội sử dụng đất trong khai thác titan được thể hiện như sau:

4. Theo Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 28/02/2008 và Quyết định 358/QĐ-UBND ngày 04/8/2010 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát 3 loại rừng ở xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.

5. Nghiên cứu của Đặng Văn Thuyết sử dụng “phương pháp đánh giá ngẫu nhiên” và “phương pháp chi phí thiệt hại tránh được” để đánh giá giá trị kinh tế của rừng phòng hộ nam Quảng Bình. Tác giả của nghiên cứu hướng vào ước tính mức sẵn lòng chi trả của các cá nhân do được hưởng lợi ích chống cát bay từ khu rừng (hay sẵn sàng đóng góp sức lực và tiền của vào quỹ bảo vệ rừng phòng hộ). Kết quả tính được mức chi trả trung bình của một người dân là 158.685 đồng / năm.

6. Đề án phục hồi môi trường của Mỹ Tài đối với Dự án khai thác sa khoáng Titan tại xã Mỹ Thành (khu vực I – 4,49ha) và xã Mỹ Thọ (khu vực II – 3,5ha) và đề án phục hồi môi trường của Sài Gòn-Quy Nhơn đối với Dự án Khai thác quặng sa khoáng Titan tại Mỹ Thành, công suất khai thác 498.849 m<sup>3</sup> cát quặng/năm, diện tích 5,8 ha.

Số cây/ha	1500
Tỷ lệ cây sống từ năm thứ 3 trở đi	95%
Số cây cho thu hoạch/ha	1425
Giá bán cây (đồng/cây)	100.000
Doanh thu bán cây/ha (đồng)	142.500.000
Chi phí đầu tư/ha (đồng)	38.917.654
Lợi nhuận/ha (đồng) – (10 năm)	103.582.346
Lợi nhuận bình quân/ năm/ha (đồng)	10.358.234,60

Như vậy, với diện tích khai thác là 33,27 ha thì chi phí cơ hội hàng năm của việc sử dụng đất cho khai thác titan của công ty Ban Mai là 344.618.465,10 đồng.

Từ các tính toán như trên cho thấy những chi phí/thiệt hại phát sinh hàng năm có thể lượng hóa từ khai thác titan của công ty Ban Mai mà xã hội phải gánh chịu được tổng hợp như sau:

**Bảng 10: Tổng hợp thiệt hại hàng năm từ khai thác titan của công ty Ban Mai**

Stt	Hạng mục	Giá trị (đồng)
1	Thiệt hại đối với trồng trọt	22.841.600
-	Điều	14.817.600
-	Xoài	8.024.000
2	Thiệt hại do cát bay	157.891.575
3	Chi phí cơ hội của việc sử dụng đất	344.618.465
	<b>Tổng cộng</b>	<b>525.351.640</b>

Đây là những thiệt hại có thể lượng hóa được. Bên cạnh đó còn có những tác động tiêu cực nhưng không thể lượng hóa được, cụ thể như sau:

### 2.3.3. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội trong khai thác titan của công ty Bimico tại xã Cát Thành, huyện Phù Cát

Xã Cát Thành nằm về phía Đông của huyện Phù Cát, cách trung tâm huyện (thị trấn Ngô Mây) khoảng 45 km. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 4234,4 ha, trong đó: Đất nông nghiệp là 2435,5ha (chiếm 57,5%), đất phi nông nghiệp 459 ha và đất chưa sử dụng 1400 ha. Toàn xã có 6 thôn với tổng dân số 9.952 người, trong đó 7.283 người trong độ tuổi lao động. Đời sống của người dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ hộ nghèo của xã là 21,86% (470 hộ nghèo).

Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định (Bimico) được thành lập năm 1985. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước (trước đây là công ty khoáng sản Bình Định) thành công ty cổ phần năm 2001 theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của UBND tỉnh Bình Định. Công ty niêm yết cổ phiếu ngày 28/12/2006 tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh. Tổng vốn điều lệ là 123.926.300.000 đồng. Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là khai thác, chế biến tuyển tinh khoáng sản titan. Sản lượng quặng tinh hàng năm đạt 51.000 tấn. Số cán bộ công nhân viên chức của công ty hiện nay khoảng 340 người.

## Hộp 2: Hệ lụy từ việc khai thác titan ô ạt

Từ năm 1996 đến nay, Bimico có 2 giấy phép khai thác titan trên địa bàn xã Cát Thành. Trong đó, giấy phép khai thác số 2173QĐ/QLTN, ngày 03/8/1996 của Bộ Công nghiệp cấp trên khu vực 73 ha hiện đã khai thác xong và đang làm thủ tục đóng cửa mỏ. Năm 2011, công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường

cấp Giấy phép khai thác mỏ theo Quyết định số 418/GP-BTNMT ngày 10/3/2011 tại phần liền kề phía nam mỏ sa khoáng Titan – Zircon Nam Đê Gi (phần mỏ 73 ha nói trên), với diện tích khu vực khai thác là 150 ha, thời hạn khai thác 10 năm.

Do khu mỏ 150 ha chỉ mới được cấp giấy phép trong năm 2011 và Bimico chỉ mới bắt đầu khai thác trong năm 2012, nên nghiên cứu chỉ phân tích với phần khai thác của khu mỏ 73 ha. Phần lớn diện tích khu mỏ này nằm trên địa bàn thôn Chánh Thiện và một phần trên đất của thôn Chánh Hóa thuộc xã Cát Thành. Thôn Chánh Thiện chỉ có 65 ha đất nông nghiệp, trong đó có 63 ha đất lúa và 2 ha đất màu. Toàn thôn có 445 hộ với 2092 nhân khẩu, trong đó 1551 người trong độ tuổi lao động.

### 2.3.3.1. Hiệu quả sản xuất – kinh doanh của công ty

Bảng 10 dưới đây thể hiện tình hình sản xuất kinh doanh của công ty Bimico từ 2004 đến 2010. Theo đó, bình quân mỗi năm công ty nộp ngân sách nhà nước khoảng 21,37 tỷ đồng và tạo công ăn việc làm cho khoảng 200 người lao động, trong đó có khoảng 40 lao động là người dân địa phương.

**Bảng 11: Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty Bimico**

Năm	Lao động (người)	Vốn đầu tư (tr. đồng)	Tài sản (tr. đồng)	Khối lượng sản xuất (tấn)	Doanh thu thuần (tr. đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tr. đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tr. đồng)	Nộp ngân sách (tr. đồng)
2004	162	NA						
2005	162	4017	41010					
2006	171	6899	55452	50560	52759	19940	15892	2976
2007	210	15496	94498	64952	103202	49566	49566	18018
2008	218	6045	131615	64952	107216	71222	66603	28033
2009	227	1309	151936	60893	87302	25722	21618	20717
2010	246	4805	169597	45697	105308	29856	23259	37134
<b>TB</b>	<b>199</b>	<b>6428,5</b>	<b>107351,3</b>	<b>57410,8</b>	<b>91157,4</b>	<b>39261,2</b>	<b>35387,6</b>	<b>21375,6</b>

Nguồn: + Cung cấp của công ty Bimico  
+ Kết quả điều tra Doanh nghiệp 2000-2010.

### 2.3.3.2. Các thiệt hại về trồng trọt

Do khu vực khai thác của Bimico cách ly với khu dân cư bằng con suối và dải cây phân cách nên việc khai thác titan ít ảnh hưởng đến các loại cây trồng.

### 2.3.3.3. Thiệt hại do cát bay và chi phí cơ hội của việc sử dụng đất

Với cách tính toán như trường hợp của công ty Ban Mai khai thác titan tại xã Mỹ Thành, các thiệt hại do cát bay và chi phí cơ hội của việc sử dụng đất trong trường hợp của Bimico hàng năm cho các số liệu ở bảng dưới đây:

**Bảng 12: Tổng hợp thiệt hại hàng năm từ khai thác titan của công ty Bimico**

Hạng mục	Giá trị (đồng)
Thiệt hại do cát bay (158.685 đồng/người x 2.092 người)	331.969.020,0
Chi phí cơ hội của việc sử dụng đất hàng năm (10.358.234,6 đồng/ha x 73 ha)	756.151.125,8
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.088.120.145,8</b>

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

## 2.4. Phân chia lợi ích giữa các bên liên quan trong khai thác titan tại Bình Định

### 2.4.1. Phân chia lợi ích giữa doanh nghiệp và nhà nước

Lợi ích mà nhà nước nhận được từ các công ty khai thác titan là các khoản mà công ty đóng góp cho nhà nước theo quy định của pháp luật. Theo các quy định hiện hành các công ty khai thác khoáng sản có nghĩa vụ nộp các khoản thuế, phí và lệ phí bao gồm Thuế Môn bài, Thuế tài nguyên, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế Giá trị gia tăng, Thuế xuất nhập khẩu, Thuế đất, Phí bảo vệ môi trường và các khoản phí khác.

Đối với doanh nghiệp, các khoản nộp ngân sách là các chi phí sản xuất và lợi ích thực tế nhận được là lợi nhuận sau thuế. Do vậy, phân chia lợi ích giữa nhà nước và doanh nghiệp là sự so sánh tương quan giữa lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và khoản thu ngân sách của Nhà nước. Bảng dưới đây so sánh lợi ích giữa 2 công ty Ban Mai, Bimico và nhà nước trong 5 năm gần đây:

**Bảng 13: Phân chia giữa Doanh nghiệp và Nhà nước**

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	TB
<b>1. Công ty Ban Mai</b>						
Khối lượng sản xuất (tấn)	28754	53421	53421	49256	44372	<b>45844,8</b>
Lợi nhuận sau thuế (tr. đồng)	7331	27464	39217	12329	33669	<b>24002,0</b>
Nộp ngân sách (tr. đồng)	1654,6	7834	20230	16039	35760	<b>16303,5</b>
Lợi nhuận sau thuế/tấn (tr.đồng)	0,25	0,51	0,73	0,25	0,76	<b>0,50</b>
Nộp ngân sách/tấn (tr.đồng)	0,06	0,15	0,38	0,33	0,81	<b>0,35</b>
Doanh nghiệp được hưởng	81,59%	77,81%	65,97%	43,46%	48,49%	<b>59,1%</b>
Nhà nước được hưởng	18,41%	22,19%	34,03%	56,54%	51,51%	<b>40,9%</b>
<b>2. Công ty Bimico</b>						
Khối lượng sản xuất (tấn)	50560	64952	64952	60893	45697	<b>57410,8</b>
Lợi nhuận sau thuế (tr. đồng)	15892	49566	66603	21618	23259	<b>35387,6</b>
Nộp ngân sách (tr. đồng)	2976	18018	28033	20717	37134	<b>21375,6</b>
Lợi nhuận sau thuế/tấn (tr.đồng)	0,31	0,76	1,03	0,36	0,51	<b>0,59</b>
Nộp ngân sách/tấn (tr.đồng)	0,06	0,28	0,43	0,34	0,81	<b>0,38</b>
Doanh nghiệp được hưởng	84,23%	73,34%	70,38%	51,06%	38,51%	<b>60,8%</b>
Nhà nước được hưởng	15,77%	26,66%	29,62%	48,94%	61,49%	<b>39,2%</b>

Nguồn: Kết quả điều tra doanh nghiệp 2000-2010.

Kết quả ở bảng 12 cho thấy nếu phân tích dưới dạng cơ cấu thì lợi ích doanh nghiệp và Nhà nước nhận được với tỷ lệ tương ứng là 59,1% và 40,9% trong trường hợp của Ban Mai và 60,8% và 39,2% trong trường hợp của Bimico. Đồng thời lợi ích của nhà nước tăng dần lên trong các năm qua do việc điều chỉnh các loại thuế. Tuy nhiên, với mục tiêu đảm bảo sử dụng tiết kiệm tài nguyên cần có các chế tài bắt buộc các công ty thực hiện chế biến sâu để đảm bảo có lợi cho cả nhà nước và doanh nghiệp như so sánh ở bảng 13 dưới đây.

**Bảng 14: Lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước theo cấp độ chế biến**

Công ty	Cấp độ chế biến	Khối lượng sản xuất (tấn)	Lợi nhuận sau thuế (tr.đồng)	Nộp ngân sách (tr.đồng)	Lợi nhuận sau thuế/tấn (tr.đồng)	Nộp ngân sách/tấn (tr.đồng)
HoangDat	Khaithac	35366	155	1361	0,004	0,038
Kim Huy	Khaithac	51444	473	3431	0,009	0,067
<b>TB</b>					<b>0,007</b>	<b>0,053</b>
Biotan	Xỉ titan	27373	6396	12020	0,234	0,439
PhuHiep	Xỉ titan	140200	4304	23074	0,031	0,165
SG-QN	Xỉ titan	42614	9024	17592	0,212	0,413
<b>TB</b>					<b>0,159</b>	<b>0,339</b>
Bimico	Zircon	45697	23259	37134	0,509	0,813
BanMai	Zircon	44372	33669	35760	0,759	0,806
<b>TB</b>					<b>0,634</b>	<b>0,809</b>

*Nguồn: Kết quả điều tra doanh nghiệp 2000-2010*

Bảng trên cho thấy với các doanh nghiệp chế biến sâu (như công ty Ban Mai chế biến Zircon) thì lợi nhuận sau thuế của công ty (0,759 triệu đồng / tấn) và nộp ngân sách nhà nước (0,806 triệu đồng / tấn) lớn hơn rất nhiều so với doanh nghiệp chỉ khai thác thô (như công ty Hoàng Đạt chỉ khai thác immenit) với lợi nhuận sau thuế của công ty chỉ đạt 0,004 triệu đồng / tấn và nhà nước chỉ thu được 0,038 triệu đồng /tấn.

#### **2.4.2. Phân chia lợi ích giữa Doanh nghiệp và Cộng đồng**

Lợi ích trực tiếp của cộng đồng từ khai thác khoáng sản đó là công ăn việc làm và kèm theo là tiền lương, tiền công mà doanh nghiệp trả cho người lao động. Số liệu ở bảng 15 dưới đây mô tả việc chi trả tiền công cho công nhân và so sánh giữa lợi nhuận của công ty và tiền lương chi trả cho người lao động của 2 công ty trong giai đoạn từ 2006 đến 2010.

**Bảng 15: Phân chia lợi ích giữa doanh nghiệp và người lao động**

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	Bình quân
<b>1. Công ty Ban Mai</b>						
Tổng số lao động (người)	160	209	138	236	243	<b>197</b>
Tổng thanh toán cho lao động (tr. đồng)	4.000	5.880	8.293	4.532	9.673	<b>6.475,6</b>
Lợi nhuận sau thuế (tr. đồng)	7.331	27.464	39.217	12.329	33.669	<b>24.002</b>
Thanh toán người lao động/lợi nhuận	54,56%	21,41%	21,15%	36,76%	28,73%	<b>32,52%</b>
Khối lượng sản xuất (tấn)	28.754	53.421	53.421	49.256	44.372	<b>45.845</b>
Thanh toán người lao động/tấn (tr. đồng)	0,14	0,11	0,16	0,09	0,22	<b>0,14</b>
<b>2. Công ty Bimico</b>						
Tổng số lao động (người)	171	210	218	227	246	<b>214</b>
Tổng thanh toán cho lao động (tr. đồng)	6.583	12.606	16.423	13.065	14.981	<b>12.732</b>
Lợi nhuận sau thuế (tr. đồng)	15.892	49.566	66.603	21.618	23.259	<b>35.388</b>
Thanh toán người lao động/lợi nhuận	41,42%	25,43%	24,66%	60,44%	64,41%	<b>43,27%</b>
Khối lượng sản xuất (tấn)	50.560	64.952	64.952	60.893	45.697	<b>57.411</b>
Thanh toán người lao động/tấn (tr. đồng)	0,13	0,19	0,25	0,21	0,33	<b>0,22</b>

Nguồn: Kết quả điều tra doanh nghiệp 2000-2010.

Số liệu trên cho thấy giá trị thanh toán cho người lao động theo khối lượng sản xuất của công ty Ban Mai là 0,14 triệu đồng/ tấn, trong khi đó doanh nghiệp được lợi nhuận sau thuế là 0,50 triệu đồng/ tấn. Từ đó, có thể xác định tỷ lệ phân chia giữa doanh nghiệp với người lao động là 78,1% và 21,9%. Tương tự như thế trong trường hợp Bimico lợi ích của doanh nghiệp và người dân lần lượt là 72,8% (0,59 triệu đồng/tấn) và 27,2% (0,22 triệu đồng/ tấn).

Tổng hợp các số liệu tính toán ở các phần trên, lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng nhận được tính theo 1 tấn titan thể hiện như bảng 15 dưới đây.

### 2.4.3. Tổng hợp phân chia lợi ích giữa Nhà nước, Doanh nghiệp và Cộng đồng

**Bảng 16: Phân chia lợi ích giữa Doanh nghiệp-Nhà nước-Cộng đồng**

	2006	2007	2008	2009	2010	Bình quân	Phân chia
<b>1. Ban Mai</b>							<b>100,0%</b>
Doanh nghiệp	0,25	0,51	0,73	0,25	0,76	0,50	50,5%
Nhà nước	0,06	0,15	0,38	0,33	0,81	0,35	34,9%
Cộng đồng	0,14	0,11	0,16	0,09	0,22	0,14	14,5%
<b>2. Bimico</b>							<b>100,0%</b>
Doanh nghiệp	0,31	0,76	1,03	0,36	0,51	0,59	49,4%
Nhà nước	0,06	0,28	0,43	0,34	0,81	0,38	31,9%
Cộng đồng	0,13	0,19	0,25	0,21	0,33	0,22	18,6%

Nguồn: Tính toán từ các Bảng 12 và Bảng 14.

Kết quả bảng trên cho thấy trong cả hai trường hợp Ban Mai và Bimico thì phần nhiều lợi ích từ hoạt động khai khoáng titan vẫn thuộc về các doanh nghiệp khai thác titan (chiếm 50,5% và 49,4%). Trong khi nhà nước cũng thu được một phần khá lớn từ các loại thuế và phí từ doanh nghiệp thì lợi ích của cộng đồng từ hoạt động khai khoáng là thấp (tương ứng 14,5% ở Ban Mai và 18,6% ở Bimico). Đây là chưa kể nếu tính lao động của người dân bỏ ra như một loại hình chi phí thì lợi ích trực tiếp của người dân thu được từ hoạt động khai khoáng gần như là không có.

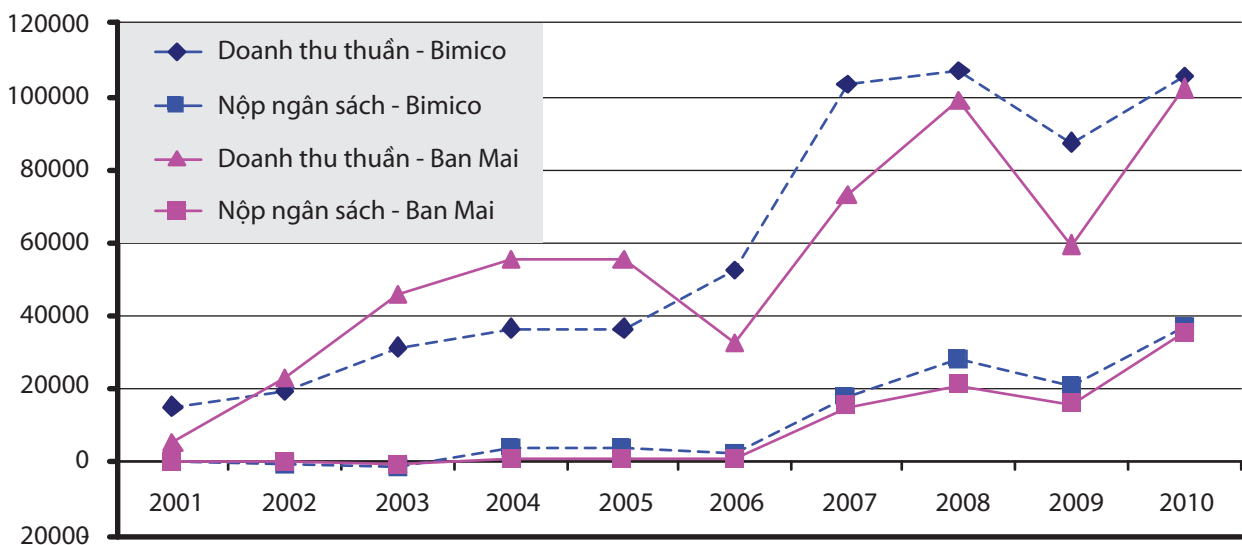
## 2.5. Quản lý nguồn thu ngân sách từ hoạt động khoáng sản

### 2.5.1. Nộp ngân sách của các công ty khai khoáng titan

Nghiên cứu về tình hình nộp ngân sách của công ty Bimico và Ban Mai như Hình 4 dưới đây cho thấy cả doanh thu thuần và nộp ngân sách của 2 công ty đều tăng lên trong vòng 9 năm qua. Cụ thể, doanh thu thuần của công ty Ban Mai tăng từ 5.725 triệu đồng trong năm 2001 lên 102.310 triệu đồng năm 2010 và nộp ngân sách nhà nước tăng từ 0 đồng trong năm 2001 lên 35.760 triệu đồng năm 2010. Trong khi đó, doanh thu thuần của công ty Bimico tăng từ 15.564 triệu đồng trong năm 2001 lên 105.308 triệu đồng năm 2010 và nộp ngân sách nhà nước tăng từ -65 triệu đồng trong năm 2001 lên 37.134 triệu đồng năm 2010.

Tuy nhiên, nếu xét tương quan giữa tốc độ tăng doanh thu thuần và tốc độ tăng nộp ngân sách nhà nước thì tốc độ tăng nộp ngân sách nhà nước là chậm hơn so với tốc độ tăng doanh thu thuần của các công ty. Thực trạng này có thể đặt ra câu hỏi là liệu nhà nước có bị thất thu từ hoạt động khai khoáng titan hay không? Trong khuôn khổ nghiên cứu này chưa thể trả lời chính xác cho câu hỏi đó, vì thế cần tiếp tục có các nghiên cứu, đánh giá về hiệu quả và kiểm tra việc nộp ngân sách của các doanh nghiệp và ngành công nghiệp khai khoáng trên địa bàn.

Hình 4: So sánh doanh thu thuần và nộp ngân sách của doanh nghiệp (triệu đồng)



Nguồn: Kết quả điều tra doanh nghiệp hàng năm 2000-2010.

### 2.5.2. Phân cấp quản lý nguồn thu ngân sách giữa các cơ quan quản lý

Theo các quy định hiện hành của Nhà nước, chỉ có thuế xuất nhập khẩu từ hoạt động khai thác khoáng sản được chuyển về ngân sách Trung ương. Các khoản thuế, phí và nguồn thu còn lại được giữ lại ở địa phương và được phân cấp quản lý, sử dụng giữ tỉnh và huyện.

Để quản lý nguồn thu ở địa phương, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 27/2010/QĐ-UBND về phân cấp thu và nhiệm vụ chi. Theo đó, đối với các doanh nghiệp nhà nước thì 100% nguồn thu (trừ tiền thuê đất được giữ ở huyện) được giữ lại ở cấp tỉnh còn đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh thì toàn bộ nguồn thu của địa phương được quản lý và sử dụng ở cấp huyện. Bảng 16 dưới đây trình bày tổng hợp nghĩa vụ tài chính và phân cấp quản lý đối với các nguồn ngân sách từ công ty Bimico (công ty cổ phần nhà nước nắm cổ phần chi phối) và công ty Phú Hiệp (công ty tư nhân).

**Bảng 17: Phân cấp quản lý thu ngân sách từ hoạt động khai khoáng**

	Đơn vị tính	Thuế xuất khẩu	Thuế TN	Phí BVMT	Thuế TNDN	Thuế GTGT	Thuê đất	Tổng (tr. đồng)
<b>1. Bimico</b>								
Nộp thuế 2012	tr.đồng	193.388,7	9.593,0	2.788,0	16.887,0	0	5.539,3	<b>228.196,0</b>
Phân chia theo cấp quản lý	Trung ương	193.388,7	0	0	0	0	0	<b>193.388,7</b>
	Tỉnh	0	9.593,0	2.788,0	16.887,0	0	0	<b>29.268,0</b>
	Huyện	0	0	0	0	0	5.539,3	<b>5.539,3</b>
<b>2. Phú Hiệp</b>								
Nộp thuế 2012	tr.đồng	137.468,6	28.076,0	11.480,0	1.821,0	1.029,0	6.718,1	<b>186.592,7</b>
Phân chia theo cấp quản lý	Trung ương	137.468,6	0	0	0	0	0	<b>137.468,6</b>
	Tỉnh	0		11.480,0				<b>11.480,0</b>
	Huyện	0	28.076,0		1.821,0	1.029,0	6.718,1	<b>37.644,1</b>

Nguồn: Báo cáo số 2423/BC-STNMT (Sở Tài nguyên- Môi trường)

Kết quả ở bảng trên cho thấy nếu là công ty nhà nước, hoặc nhà nước nắm cổ phần chi phối (Bimico) thì tỷ lệ phân chia nguồn thu ngân sách giữa Trung ương, tỉnh Bình Định và huyện Phù Mỹ tương ứng là 84,7%, 12,8% và 2,5%. Với công ty tư nhân (Phú Hiệp) thì tỷ lệ phân chia nguồn thu ngân sách tương ứng là 73,7%, 6,2% và 20,2%. Rõ ràng, trong bất kỳ trường hợp nào thì nguồn thu về ngân sách trung ương vẫn còn chiếm một tỷ lệ quá lớn. Điều này cũng cho thấy rằng phần lớn sản phẩm titan được khai thác là sử dụng cho xuất khẩu ra bên ngoài.

### 2.5.3. Đối chiếu số liệu thu – nộp ngân sách từ hoạt động khai khoáng

Để đối chiếu về số liệu thu nộp ngân sách từ hoạt động khai khoáng giữa một bên là các khoản thu của cơ quan nhà nước và một bên là các khoản chi của doanh nghiệp, nghiên cứu đã tiến hành thu thập thông tin độc lập của công ty Bimico trong 5 năm gần đây. Theo đó, số liệu về nguồn thu của cơ quan nhà nước được thu thập từ Cục Thuế tỉnh Bình Định và số liệu các khoản chi của doanh nghiệp là do công ty Bimico cung cấp. Kết quả đối chiếu được thể hiện trong bảng 17 dưới đây:



**Bảng 18: Đối chiếu số liệu thu - nộp ngân sách của công ty Bimico (triệu đồng)**

	2007	2008	2009	2010	2011
<b>Báo cáo của cục thuế Bình Định</b>					
Thuế Môn bài	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00
Thuế Tài nguyên	1.004,33	3.428,18	2.769,72	4.367,88	8.929,47
Phí BVMT	502,61	2.448,40	2.922,62	2.184,27	2.370,24
Thuế GTGT	0	209,88	117,50	405,80	103,90
Thuế TNDN	6.049,14	4.714,48	1.063,91	7.305,42	1.036,96
<b>Tổng</b>	<b>7.559,08</b>	<b>10.803,94</b>	<b>6.876,75</b>	<b>14.266,37</b>	<b>12.443,57</b>
<b>Báo cáo của Bimico</b>					
Thuế Môn bài	3,00	3,00	3,00	3,00	3,00
Thuế Tài nguyên	1.004,33	3.428,18	2.769,72	4.367,88	8.929,47
Phí BVMT	502,61	2.448,40	2.922,62	2.184,27	2.600,87
Thuế GTGT	106	231,50	596,64	405,80	106,75
Thuế TNDN	6.049,14	4.225,59	940,23	7.305,42	1.036,96
<b>Tổng</b>	<b>7.665,00</b>	<b>10.336,67</b>	<b>7.232,20</b>	<b>14.266,37</b>	<b>12.677,04</b>
Chênh lệch giữa báo cáo của công ty và cục thuế	105,92	-467,27	355,45	0	233,47

Nguồn: Cục Thuế tỉnh Bình Định và công ty Bimico

Kết quả ở bảng trên cho thấy có sự chênh lệch về số liệu thu nộp ngân sách của công ty Bimico giữa số liệu của Cục thuế và báo cáo của công ty. Theo đó, tổng số tiền nộp trong vòng 5 năm được công ty báo cáo là 52.177,29 triệu đồng, trong khi đó số liệu thu thập được tại Cục thuế tỉnh Bình Định chỉ là 51.949,72 triệu đồng, chênh lệch 227,58 triệu đồng. Trong 5 năm thì chỉ có năm 2010 là có sự trùng khớp giữa báo cáo của công ty và số liệu của cục thuế, các năm còn lại đều có sự chênh lệch. Đối với các hạng mục thì thuế Môn bài và thuế Tài nguyên là không có sự chênh lệch. Phí bảo vệ môi trường chỉ chênh lệch trong năm 2011. Thuế thu nhập doanh nghiệp có sự chênh lệch trong năm 2008 và 2009. Trong khi đó thuế giá trị gia tăng lại chênh lệch ở hầu hết tất cả các năm, ngoại trừ năm 2010.

Do nghiên cứu chưa phân tích được nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch, nên chưa thể khẳng định được liệu có sự thất thoát trong thu ngân sách nhà nước hay không? Tuy nhiên, rõ ràng sự chênh lệch này sẽ đặt ra nhu cầu trong thời gian tới cần có cơ chế kiểm tra, đối chiếu thông tin cũng như xây dựng các mô hình quản lý về thu nộp ngân sách để đảm bảo nguồn thu ngân sách được quản lý tốt hơn.

#### **2.5.4. Quản lý đóng góp phúc lợi của các công ty khai khoáng**

Bên cạnh thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định (thuế, phí...) trong thời gian qua các doanh nghiệp khai khoáng tại Bình Định cũng đã có những đóng góp phúc lợi cho các địa phương và cộng đồng vùng khai khoáng.

Hiện nay, trên địa bàn xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ có 15 công ty đang tham gia khai thác titan. Bảng 18 dưới đây trình bày số liệu từ UBND xã Mỹ Thành về tổng số tiền đóng góp phúc lợi của 15 công ty trên địa bàn xã trong 6 năm gần đây và bảng 19 trình bày số liệu về đóng góp của công ty Ban Mai ở xã Mỹ Thành và Công ty Bimico ở xã Cát Thành ở huyện Phù Cát.

**Bảng 19: Đóng góp phúc lợi của các công ty khai khoáng tại xã Mỹ Thành (triệu đồng)**

TT	Công ty	2007	2008	2009	2010	2011	2012	Tổng
1	Ban Mai	480	70	5			78	633
2	Kim Triều	30				10	10	50
3	Tấn Phát	10	60	10	15		10	105
4	Khang Dương	5						5
5	Biotan		7				20	27
6	Thành An		10	15			3	28
7	Phú Hiệp			50		10	15	75
8	Tự Lực				30	5	5	40
9	Ánh Vy					10	5	15
10	Mỹ Đức					4	4	8
11	Đức Thuận					5		5
12	Sài Gòn-Quy Nhơn						11	11
13	An Tường An						5	5
14	Vạn Đại						5	5
15	Mỹ Tài						13	13
	<b>Tổng cộng</b>	<b>525</b>	<b>147</b>	<b>80</b>	<b>45</b>	<b>44</b>	<b>184</b>	<b>1025</b>

Nguồn: Báo cáo của UBND xã Mỹ Thành.

**Bảng 20: Đối chiếu số liệu đóng góp phúc lợi của công ty khai khoáng tại xã Mỹ Thành và Cát Thành (triệu đồng)**

TT	Công ty	2007	2008	2009	2010
<b>I Công ty Ban Mai tại xã Mỹ Thành</b>					
1	Lợi nhuận sau thuế *	27.464	39.217	12.329	33.669
2	Báo cáo của UBND xã về đóng góp của công ty	480	70	5	0
3	Báo cáo của công ty về đóng góp của mình	561	825,4	76,3	477
-	Chênh lệch giữa số liệu của Công ty và UBND xã	81	755,4	71,3	477
-	Tỷ lệ % đóng góp phúc lợi so với lợi nhuận của công ty.	2,04%	2,10%	0,62%	1,42%
<b>II Công ty Bimico tại xã Cát Thành</b>					
1	Lợi nhuận sau thuế *	49.566	66.603	21.618	23.259
2	Báo cáo của UBND xã về đóng góp của công ty	599	340	475	51
3	Báo cáo của công ty về đóng góp của mình	219,2	550	500	750
-	Chênh lệch giữa số liệu của Công ty và UBND xã	-379,8	210	25	699
-	Tỷ lệ % đóng góp phúc lợi so với lợi nhuận của công ty.	0,44%	0,83%	2,31%	3,22%

Nguồn: \* Kết quả điều tra doanh nghiệp 2000-2010  
Báo cáo của các công ty Ban Mai, Bimico và UBND xã Mỹ Thành, Cát Thành.

Từ bảng trên cho thấy dù phần lớn các công ty khai khoáng đã có những đóng góp vào phúc lợi xã hội cho địa phương và cộng đồng. Tuy nhiên, đóng góp của các công ty là không đồng đều, chưa thường xuyên và số lượng đóng góp vẫn còn rất ít. Ngoại trừ các công ty như Ban Mai, Tấn Phát và Phú Hiệp, các công ty còn lại việc đóng góp vẫn chỉ mang tính “chiếu lệ” và “tùy hứng”. Hơn nữa, nếu so sánh thì tỷ lệ giữa việc đóng góp phúc lợi của các công ty với lợi nhuận mà các công ty thu được dù có xu hướng tăng qua các năm (như công ty Bimico) nhưng vẫn rất thấp, bình quân chỉ là 1,55% đối với công ty Ban Mai và 1,22% đối với công ty Bimico.

Thực hiện đối chiếu số liệu các khoản thu – nộp ngân sách giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp cho thấy có sự chênh lệch khá lớn giữa số liệu của UBND xã và báo cáo của các công ty về các khoản đóng góp phúc lợi của công ty khai khoáng đối với địa phương và cộng đồng. Đối với công ty Ban Mai, số liệu đóng góp phúc lợi xã hội theo báo cáo của công ty trong vòng 4 năm là 1.939,7 triệu đồng, trong khi đó số liệu ghi nhận của UBND xã Mỹ Thành chỉ là 555 triệu đồng (chưa bằng 29% số liệu báo cáo của công ty). Tương tự đối với công ty Bimico, số liệu báo cáo của công ty trong 4 năm là 1.800 triệu đồng, trong khi số liệu ghi nhận của UBND xã Cát Thành là 1.465 triệu đồng (bằng 81% số liệu báo cáo của công ty).

Dù chưa thể khẳng định sự thất thoát trong các khoản đóng góp phúc lợi của công ty đối với địa phương bởi có thể nguyên nhân của sự khác biệt này là do cách thức xác định đóng góp cũng như việc cập nhật số liệu giữa công ty và chính quyền xã có sự khác nhau. Tuy nhiên, với sự khác biệt quá lớn này, một lần nữa lại đặt ra việc cần thiết có một hệ thống quản lý tốt hơn để đảm bảo tính chính xác, tránh thất thoát các khoản đóng góp của công ty cũng như giảm thiểu sự hiểu lầm, xung đột giữa công ty và chính quyền, người dân địa phương.





Phần

**3**

Kết luận và kiến nghị



## 3.1. Kết luận

Bình Định là một trong những tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú với 154 mỏ, điểm quặng của 24 loại khoáng sản, đặc biệt là sa khoáng titan với trữ lượng trên 10 triệu tấn (kết quả thăm dò đến năm 2007). Trong những năm qua ngành công nghiệp khai khoáng nói chung và khai khoáng titan nói riêng đã có những đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo đó, năm 2011 giá trị sản xuất công nghiệp của ngành khai khoáng đóng góp 2,61% tổng giá trị sản xuất và bằng 9,18% giá trị sản xuất công nghiệp của toàn tỉnh.

Hiện trên toàn tỉnh có 24 doanh nghiệp đang hoạt động khai thác titan với 43 giấy phép khai thác còn có hiệu lực. Sản lượng khai thác titan của các doanh nghiệp tăng nhanh trong những năm qua, với tốc độ khoảng 30% / năm cho giai đoạn năm 2000-2011. Tổng sản lượng khai thác titan năm 2011 trên địa bàn tỉnh đạt 539,3 nghìn tấn, chiếm trên 50% tổng sản lượng khai thác titan của cả nước. Hàng năm các doanh nghiệp khai thác titan nộp ngân sách cho nhà nước hàng trăm tỷ đồng, trong đó nộp ngân sách nhà nước năm 2012 đạt trên 886 tỷ đồng. Bên cạnh việc thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp cũng đã bước đầu thực hiện các hoạt động xã hội, phúc lợi trên các địa bàn khai thác khoáng sản. Ví dụ tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, theo số liệu thống kê của UBND xã thì tổng số tiền mà các doanh nghiệp đóng góp phúc lợi của các doanh nghiệp trong 6 năm gần đây đạt 1,025 tỷ đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, hoạt động khai thác khoáng sản titan ở Bình Định còn bộc lộ nhiều điểm bất cập như sau:

### 1. Cấp phép khai thác cho quá nhiều dự án nhỏ:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định có 43 giấy phép khai thác đang còn hiệu lực. Phần lớn các dự án khai thác titan trên địa bàn tỉnh có thời gian hoạt động rất ngắn. Việc cấp phép cho những dự án khai thác nhỏ với thời hạn ngắn dẫn đến nhiều hệ lụy. Các dự án này chủ yếu tập trung khai thác và tiêu thụ quặng thô, ít đầu tư cho công đoạn chế biến, gây lãng phí tài nguyên và giảm hiệu quả đóng góp về mặt kinh tế xã hội. Với chính sách ưu đãi đầu tư miễn giảm tiền thuê đất trong khoảng thời gian 7 – 11 năm, nhà nước sẽ bị thất thu ngân sách đối với những dự án khai thác khoáng sản có vòng đời ngắn. Đặc biệt đối với loại hình này, chủ dự án thường đầu tư manh mún, ít quan tâm đến khía cạnh bền vững và chú trọng công tác thực hiện các giải pháp giảm nhẹ các tác động môi trường và xã hội.

### 2. Doanh nghiệp khai khoáng titan chưa chú trọng chế biến sâu:

Phần lớn các doanh nghiệp titan trên địa bàn chỉ chú trọng khai thác quặng thô, ít đầu tư cho công đoạn chế biến sâu. Trong tổng số 22 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, mới có 12 doanh nghiệp đầu tư dây chuyền chế biến. Tình trạng này càng làm tăng xu hướng xuất quặng thô trên địa bàn Bình Định. Mặc dù nghiên cứu chỉ ra rằng các doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu có tỷ lệ nộp ngân sách trên tổng doanh thu cao hơn so với các công ty không chế biến sâu.

### 3. Hiệu quả kinh tế - xã hội từ hoạt động khai khoáng titan chưa cao:

Các chi phí / tác động tiêu cực từ hoạt động khai thác titan chưa được tính toán một cách đầy đủ, sát thực: Nghiên cứu cho thấy có nhiều tác động tiêu cực từ hoạt động khai thác titan chưa được tính toán một cách đầy đủ bao

gồm việc gây hại tới các hoạt động trồng trọt, thiệt hại do cát bay và chi phí cơ hội trong việc sử dụng đất. Nghiên cứu cho thấy đối với trường hợp công ty Ban Mai khai thác titan trên diện tích 33,27 ha tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ thì các thiệt hại này được tính tương ứng là 525,351 triệu đồng và đối với trường hợp của công ty Bimico khai thác trên diện tích 73 ha tại địa bàn xã Cát Thành thì thiệt hại được tính là 1.088,12 triệu đồng. Do những thiệt hại này chưa được tính toán nên hiện nay người dân vẫn phải gánh chịu những hậu quả này. Mặc dù các công ty có thực hiện các hoạt động phúc lợi trên địa bàn. Tuy nhiên, nếu so sánh thì số tiền phúc lợi mà các công ty bỏ ra là không nhiều so với những thiệt hại do việc khai thác khoáng sản của các công ty để lại nhưng chưa được tính toán.

#### **4. Phân chia lợi ích thu được từ khai thác titan không đồng đều:**

Có 3 chủ thể liên quan đến khai thác titan là nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Kết quả nghiên cứu cho thấy phân chia lợi ích giữa các chủ thể này là không đồng đều. Tỷ lệ phân chia lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng trong trường hợp công ty Ban Mai tương ứng là 34,9%, 50,6% và 14,5% và trong trường hợp công ty Bimico tương ứng là 31,9%, 49,4% và 18,7%. Có thể thấy phần lớn lợi ích thuộc về các doanh nghiệp khai khoáng. Nhà nước tuy có thu được ngân sách nhưng đây chỉ là khoản thu đơn thuần từ các loại thuế, phí. Tuy nhiên, nếu tính các khoản đầu tư của nhà nước cho cơ sở hạ tầng (mà các doanh nghiệp khai thác titan là những người được hưởng nhiều nhất từ việc đầu tư này) và khắc phục các tác động về môi trường từ hoạt động thác khoáng sản titan (ngoài nhà máy) thì lợi ích thu được của nhà nước sẽ giảm mạnh. Trong khi đó, cộng đồng dân cư gần như không được hưởng lợi gì ngoài việc một số người dân có công ăn việc làm tại các nhà máy.

#### **5. Bất cập trong quản lý nguồn thu và có dấu hiệu nhà nước bị thất thu ngân sách:**

Mặc dù số liệu nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp khai khoáng titan tăng lên. Tuy nhiên, tốc độ tăng nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp chậm hơn so với tốc độ tăng doanh thu thuần của công ty khai khoáng. Bên cạnh đó, đối chiếu độc lập cho thấy có sự chênh lệch giữa các khoản đóng góp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp và số liệu thống kê về nguồn thu từ các doanh nghiệp tại cơ quan quản lý nhà nước. Tương tự như thế, có sự chênh lệch khá lớn giữa số liệu thu được tại UBND xã và báo cáo của các công ty khai khoáng về đóng góp của công ty cho các hoạt động phúc lợi ở địa phương. Ngoài ra, hiện nay ở Việt Nam, nguồn thu từ khai thác khoáng sản và từ các ngành khác được quản lý chung trên một hệ thống tài chính. Theo hệ thống này, nguồn thu không được quản lý theo ngành mà theo từng loại như Thuế giá trị gia tăng, Thuế xuất khẩu, Thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc quản lý nguồn thu từ khai thác khoáng sản trên một hệ thống tài chính chung bộc lộ một số điểm bất cập do khó khăn trong việc thu thập các số liệu thống kê tổng thể về đóng góp của khai thác khoáng sản cho ngân sách địa phương, dẫn đến việc khó thực hiện các đánh giá tổng thể về hiệu quả kinh tế xã hội của khai khoáng cũng như xây dựng phương án phân bổ và sử dụng nguồn thu một cách hợp lý. Với những bất cập này Mặc dù chưa thể có đủ cơ sở để khẳng định nhà nước thất thu trong các hiện tượng trên đây. Tuy nhiên, những thực tế này cũng đặt ra tính cần thiết có một hệ thống theo dõi, đối chiếu các khoản thu – chi của doanh nghiệp cho ngân sách nhà nước để đảm bảo nhà nước không bị thất thu trong quá trình quản lý hoạt động khoáng sản ở địa phương.

## **6. Mức độ tham gia của cộng đồng và tổ chức xã hội còn hạn chế:**

Kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới cho thấy cộng đồng địa phương có vai trò rất quan trọng trong quản lý tài nguyên thiên nhiên nói chung và tài nguyên khoáng sản nói riêng. Cộng đồng địa phương là đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ các tác động môi trường xã hội trong khai thác khoáng sản. Tăng cường sự tham gia của các tổ chức cộng đồng trong quản lý và giám sát hoạt động khai thác khoáng sản sẽ góp phần thúc đẩy việc thực thi trách nhiệm môi trường xã hội của các doanh nghiệp khai thác mỏ và qua đó góp phần cho việc phát triển công nghiệp khai thác bền vững. Tuy nhiên, Việt Nam hiện nay vẫn thiếu các cơ chế chính sách để tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động phát triển nói chung và khai khoáng nói riêng.

## **3.2. Kiến nghị**

Từ thực trạng khai khoáng titan trên địa bàn tỉnh Bình Định cùng với kết quả phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội, phân chia lợi ích và quản lý nguồn thu từ hoạt động khai khoáng, báo cáo này đưa ra một số các kiến nghị nhằm tăng cường hiệu quả và giảm thiểu các tác động tiêu cực, bất bình đẳng trong khai thác khoáng sản nói chung và khoáng sản titan nói riêng trên địa bàn tỉnh Bình Định như sau:

### **1. Hạn chế (hoặc thậm chí dừng) việc tiếp tục cấp giấy phép khai thác titan trong thời gian tới:**

Hiện Bình Định có 24 doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản titan với 43 giấy phép đang có hiệu lực và thực hiện khai thác khoáng sản trên diện tích 1.654 ha. Đây là số lượng nhiều so với địa phương như Bình Định. Trong thời gian tới, thay vì tiếp tục cấp giấy phép mới cho các doanh nghiệp, tỉnh Bình Định nên tập trung vào việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhằm đảm bảo các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy trình hoạt động, sản lượng khai thác, thu nộp ngân sách và các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động khai khoáng titan. Kiên quyết xử lý, thu hồi giấy phép đối với các doanh nghiệp vi phạm trong quá trình hoạt động.

### **2. Yêu cầu các công ty khai khoáng titan thực hiện chế biến sâu:**

Để đảm bảo sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả tài nguyên khoáng sản; tỉnh Bình Định cần tiếp tục khuyến khích, yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư công nghệ chế biến sâu để đảm bảo tạo giá trị gia tăng và tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Cần kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước áp dụng công cụ thuế linh hoạt để khuyến khích các doanh nghiệp chế biến sâu. Theo đó, có thể giảm mức thuế, phí, lệ phí đối với các sản phẩm chế biến sâu từ khai thác titan trên địa bàn tỉnh.

### **3. Xây dựng các mô hình tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong khai khoáng:**

Vận động, đồng thời có chế tài để yêu cầu các doanh nghiệp tích cực hơn nữa trong các hoạt động xã hội và đóng góp phúc lợi cho phát triển cộng đồng. UBND tỉnh Bình Định cần sớm xây dựng và ban hành cơ chế bồi thường thiệt hại đối với cộng đồng địa phương. Nhà nước cần có cơ chế

để điều tiết lợi ích giữa doanh nghiệp và cộng đồng, đồng thời đây cũng là những hành lang buộc các doanh nghiệp phải nâng cao ý thức và trách nhiệm hơn với các tác động môi trường. Các khoản đóng góp, hỗ trợ của doanh nghiệp cho cộng đồng nên hướng vào việc nâng cao khả năng để ứng phó với các tác động tiêu cực từ hoạt động khai thác khoáng sản gây ra. Nói cách khác, các hoạt động hỗ trợ cần dựa vào nhu cầu và những ưu tiên cần giải quyết của cộng đồng địa phương, có như thế những mâu thuẫn xã hội phát sinh giữa doanh nghiệp và cộng đồng mới được khắc phục.

#### **4. Xây dựng mô hình / giải pháp quản lý nguồn từ hoạt động khai khoáng:**

Mô hình này cần thể hiện công khai minh bạch để có thể dễ dàng đối chiếu các khoản thu nộp ngân sách từ các công ty khai khoáng và số liệu tại các cơ quan quản lý nhà nước.

#### **5. Thành lập nhóm tư vấn quản trị về khoáng sản trên địa bàn tỉnh:**

Nhóm tư vấn quản trị được UBND tỉnh Bình Định ra quyết định thành lập với sự tham gia của một số đại diện từ cơ quan quản lý, doanh nghiệp và tổ chức cộng đồng. Nhóm tư vấn có trách nhiệm thực hiện các đánh giá tổng thể, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các chính sách và giám sát việc thực thi chính sách của các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Về cơ bản, nhóm tư vấn này sẽ là nòng cốt để giúp UBND tỉnh Bình Định thực hiện tất cả các kiến nghị, giải pháp nêu trên. Để làm được điều này, sau khi được thành lập cần có các hoạt động tăng cường năng lực cho nhóm tư vấn thông qua sự đầu tư từ ngân sách của tỉnh, đồng thời kêu gọi sự hỗ trợ của các cơ quan chuyên môn, nhà tài trợ trong và ngoài nước.



# Tài liệu tham khảo

## Tiếng Việt

1. Công an nhân dân (2010). *Khai thác than phải gắn chặt với bảo vệ môi trường*. Nguồn: <http://www.cand.com.vn/Khai-thac-than-phai-gan-chat-voi-bao-ve-moi-truong/4756250.epi>
2. Đặng Trung Thuận (2012). *Khai thác, chế biến quặng titan ở các tỉnh ven biển miền Trung và vấn đề môi trường có liên quan*, Báo cáo tham luận tại Tọa đàm “**Thực thi chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác titan và một số khoáng sản khác vùng duyên hải miền Trung gắn với bảo vệ môi trường**” (phục vụ Đoàn giám sát của ủy ban thường vụ Quốc hội), tại tỉnh Bình Định, ngày 10-3-2012.
3. Đặng Văn Thuyết (2006). “*Nghiên cứu xác định mô hình rừng phòng hộ trên cát di động ở ven biển Quảng Bình*”. Đề tài nghiên cứu khoa học.
4. Dangcongsan (2012). *Cần thực hiện tốt chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng*. Nguồn: [http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co\\_id=30106&cn\\_id=538101](http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30106&cn_id=538101)
5. Nguyễn Danh Sơn (2009). *Điều tra, đánh giá và đề xuất chính sách quản lý chất thải rắn trong khai thác và sử dụng khoáng sản theo hướng bền vững vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ*. Đề tài khoa học cấp bộ do Viện nghiên cứu Phát triển bền vững vùng Bắc Bộ - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
6. Nguyễn Thành Sơn (2012). *Một số ý kiến về thực trạng chính sách và đề xuất định hướng quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên khoáng sản Việt Nam*; Báo cáo tham luận tại Hội thảo Báo cáo tham luận tại Hội thảo “**Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường**” (Phục vụ Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội), tại Hà Nội ngày 2-3-2012.
7. Tienphong(2012). *Quản lý khoáng sản: Cấp phép sai phải thu hồi*. Nguồn: <http://www.tienphong.vn/xa-hoi/588484/Cap-phep-sai-phai-thu-hoi-tpp.html>
8. Trung tâm Y tế dự phòng Bình Định (2009). “*Nghiên cứu thực trạng môi trường lao động và sức khỏe công nhân tại một số doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định*”. Đề tài nghiên cứu khoa học.
9. Tuổi trẻ (2009). *Vi sao chủ tịch tập đoàn TKV bị kỷ luật?*. Nguồn: <http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=335093&ChannelID=3> [Truy cập 20/11/ 2009].
10. Viện Tư vấn phát triển-CODE (2009). *Nghiên cứu điểm về thực trạng khai thác khoáng sản titan ở Bình Định và các tỉnh ven biển miền Trung*.
11. Viện Tư vấn phát triển-CODE (2011). *Sáng kiến minh bạch ngành công nghiệp khai khoáng –EITI và khả năng tham gia của Việt Nam*.
12. Viện Tư vấn phát triển-CODE (2012). *Thực trạng quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản trong bối cảnh phát triển bền vững ở Việt Nam*. NXB: Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội.
13. Vietnamnet (2012). *Truy trách nhiệm cấp phép khai khoáng tràn lan*. Nguồn: <http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/84700/truy-trach-nhiem-cap-phep-khai-khoang-tran-lan.html>
14. vnexpress (2012). *Hoạt động khai khoáng ‘tình hình tệ, báo cáo êm’*. Nguồn: <http://vnexpress.net/gl/xa-hoi/2012/08/hoat-dong-khai-khoang-tinh-hinh-te-bao-cao-em/>

## Tiếng Anh

1. Armstrong, Harvey, and Jim Taylor, 2000. **Regional Economics and Policy**, 3rd edition (Oxford, Blackwell Publishers).
2. Boardman, David H. Greenberg, Aidan R. Vining, and David L. Weimer, 2001. **Cost-Benefit Analysis: Concepts and Practice**, 2nd edition (Upper Saddle River, New Jersey, Prentice Hall).
3. Convention on Biological Diversity (2009). *Learning from the Practitioners: Benefit Sharing Perspectives from Enterprising Communities*.
4. D. Damigos (2006). *An overview of environmental valuation methods for the mining industry*. Journal of Cleaner Production 14 (2006) 234-247.
5. Feng Li, Xusheng Liu, Dan Zha, Beibei Wang, Jiasheng Jin, Dan Hu (2011). *Evaluating and modeling ecosystem service loss of coal mining: A case study of Mentougou district of Beijing, China*. Ecological Complexity 8 (2011) 139–143.
6. Julie Owens (2011). *Sharing the benefits of the mining boom*.
7. Roderick G. Eggert (2001). *Mining and Economic Sustainability: National Economies and Local Communities*. MMSD Report No. 19, International Institute for Environment and Development, World Business Council for Sustainable Development.
8. Squire, Lyn, 1989. “*Project Evaluation in Theory and Practice*,” pp. 1093-1137 in Hollis Chenery and T
9. World Bank (2010). *Mining Community Development Agreements – Practical Experiences and Field Studies*.
10. World Bank (2011). *Sharing Mining Benefits in Developing Countries*.

# Phụ lục 1: Danh mục các chính sách liên quan đến khai thác khoáng sản của Bình Định

1. Quyết định số 2668/QĐ-UB ngày 14/8/2000 của UBND tỉnh Bình Định Phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp khoáng sản tỉnh Bình Định đến năm 2010.
2. Chỉ thị số 17/2002/CT-UB ngày 04/6/2002 của UBND tỉnh Bình Định về việc tăng cường quản lý hoạt động khoáng sản.
3. Chỉ thị số 26/2003/CT-UB ngày 04/9/2003 của UBND tỉnh Bình Định về việc nâng cao hiệu quả khai thác sa khoáng titan trên địa bàn tỉnh Bình Định.
4. Chỉ thị số 11/2005/CT-UB ngày 22/4/2005 của UBND tỉnh Bình Định về một số biện pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản.
5. Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 15/10/2007 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quy hoạch các điểm khai thác cát lòng sông trên địa bàn tỉnh.
6. Văn bản số 159/UBND-NĐ ngày 16/01/2008 về việc đảm bảo an toàn lao động trong khai thác, chế biến khoáng sản.
7. Văn bản số 607/UBND-NĐ ngày 29/02/2008 về việc kiểm tra chấn chỉnh tình hình khai thác titan trái phép, kiểm tra vận chuyển, xuất khẩu titan.
8. Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 14/8/2009 của UBND tỉnh Bình Định về Phê duyệt quy hoạch sử dụng các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh đến năm 2015, có xét đến năm 2020 và Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 “phê duyệt Quy hoạch bổ sung sử dụng các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Bình Định đến năm 2015, có xét đến năm 2020”.
9. Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 16/10/2009 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.
10. Văn bản số 3639/UBND-TC ngày 22/10/2009 về việc triển khai Nghị định số 82/NĐ-CP về phí BVMT đối với khai thác khoáng sản.
11. Quyết định số 51/2009/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định.
12. Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của UBND tỉnh Bình Định về việc Quy định về quản lý hoạt động khai thác sa khoáng titan trên địa bàn tỉnh Bình Định.
13. Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 10/02/2010 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của UBND tỉnh.
14. Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 04/3/2010 của UBND tỉnh Bình Định về việc Quy định mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng trong khai thác titan trên địa bàn tỉnh.
15. Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 04/3/2010 của UBND tỉnh Quy định mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng trong khai thác titan trên địa bàn tỉnh Bình Định
16. Công văn số 2793/UBND-NĐ ngày 16/8/2010 của UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai thực hiện thu đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng trong khai thác đá xây dựng
17. Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 về Quy chế phối hợp hậu kiểm đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.
18. Văn bản số 3176/UBND-KTN ngày 28/9/2011 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở khai thác khoáng sản.
19. Công văn số 863/UBND-KTN ngày 26/3/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc Nghiêm cấm mua bán, vận chuyển titan thô ra khỏi địa bàn tỉnh.

## Phụ lục 2: Danh mục các cơ quan, doanh nghiệp đã phỏng vấn

TT	Họ và tên	Cơ quan, chức vụ
<b>Các sở, ngành cấp tỉnh</b>		
1	Lê Minh Luận	Phó giám đốc Sở Tài Nguyên - Môi trường
2	Trần Đình Chương	Phó phòng Khoáng sản: Sở Tài Nguyên - Môi trường
3	Phạm Thùy Dung	Chi cục Bảo vệ môi trường: Sở Tài Nguyên - Môi trường
4	Huỳnh Thanh Thủy	Phó giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư
5	Trần Bửu Ẩn	Phó giám đốc Trung tâm xúc tiến đầu tư
6	Tô Hiếu Trung	Phó trưởng phòng Kinh tế ngành: Sở Kế hoạch - Đầu tư
7	Võ Mai Hưng	Trưởng phòng Quản lý Công nghiệp: Sở Công - Thương
8	Đặng Lê Hoàng	Phòng Quản lý Công nghiệp: Sở Công - Thương
9	Nguyễn Minh Cường	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu: Sở Công - Thương
10	Bùi Thanh Phụng	Phòng Kỹ thuật, an toàn và chế biến khoáng sản: Sở Công - Thương
11	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Trưởng phòng Ngân sách: Sở Tài chính
12	Nguyễn Công Đệ	Phòng Ngân sách: Sở Tài chính
13	Nguyễn Văn Minh	Trưởng phòng Tổng hợp: Chi cục thuế tỉnh Bình Định
14	Nguyễn Quang Thịnh	Trưởng phòng Ứng dụng: Trung tâm Phân tích và Kiểm nghiệm (Sở Khoa học-Công nghệ)
15	Trình Công Tuấn	Phó giám đốc Trung tâm y tế dự phòng (Sở Y tế)
16	Lê Vũ Thị Trinh	Trung tâm y tế dự phòng (Sở Y tế)
17	Huỳnh Ngọc Dũng	Trung tâm y tế dự phòng (Sở Y tế)
18	Hoàng Công Nghĩa	Trung tâm y tế dự phòng (Sở Y tế)
<b>Huyện Phù Mỹ</b>		
19	Trần Đình Thời	Phó chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ
20	Phan Hữu Duy	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch

TT	Họ và tên	Cơ quan, chức vụ
21	Đỗ Quang Thọ	Chi cục thuế Phù Mỹ
22	Nguyễn Đình Can	Phó Trưởng phòng Kinh tế và hạ tầng
23	Bùi Thái Sơn	Phòng Tài nguyên - Môi trường
24	Ngô Hải	Chủ tịch UBND xã Mỹ Thành
25	Nguyễn Hoài Thay	Cán bộ địa chính xã Mỹ Thành
26	Dương Đức Xứng	Trưởng thôn Hưng Lạc xã Mỹ Thành
27	Nguyễn Văn Hiệp	Phó thôn Hưng Lạc xã Mỹ Thành
<b>Huyện Phù Cát</b>		
28	Võ Văn Thông	Phó Chánh văn phòng HĐND & UBND
29	Thân Trọng Nhật	Chuyên viên văn phòng HĐND & UBND
30	Văn Đình Thuấn	Phó chi cục trưởng Chi cục thuế Phù cát
31	Trần Văn Nghĩa	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch
32	Phạm Văn Thịnh	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch
33	Võ Văn Dậu	Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường Phù Cát
34	Nguyễn Hữu Hành	Chủ tịch UBND xã Cát Thành
35	Mai Văn Bé	Phó chủ tịch UBND xã Cát Thành
36	Nguyễn Văn Thanh	Trưởng thôn Chánh Thiện - Cát Thành
<b>Các doanh nghiệp</b>		
37	Ngô Văn Tổng	Tổng giám đốc Công ty khoáng sản Bình Định (Bimico)
38	ông Thịnh	Phó tổng giám đốc Công ty khoáng sản Bình Định
39	ông Vũ	Kế toán trưởng Công ty khoáng sản Bình Định
40	ông Thao	Trưởng phòng kỹ thuật, giám đốc mỏ: Công ty khoáng sản Bình Định
41	ông Châu	Phó giám đốc công ty Ban Mai
42	Nguyễn Thái Sơn	Quản đốc phân xưởng khai thác công ty Ban Mai
43	Võ Phước Tân	Phó giám đốc Công ty Phú Hiệp



### **Viện Tư vấn phát triển (CODE)**

Là tổ chức khoa học và công nghệ, hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu thực tiễn, phân tích chính sách và tư vấn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững; đảm bảo hài hoà mối quan hệ giữa kinh tế - xã hội và môi trường trong tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của Việt Nam và các nước trong khu vực sông Mê Kông.



### **Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)**

Là tổ chức phi lợi nhuận hoạt động nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng và phong phú của thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương thông qua tìm kiếm, quảng bá, thực hiện các giải pháp bền vững và thân thiện môi trường.



### **VIỆN TƯ VẤN PHÁT TRIỂN (CODE)**

Địa chỉ: Tầng 5, số 5, ngõ 535 phố Kim Mã, Ba đình, Hà Nội  
ĐT: (04) 37711173 / Fax: (04) 37246942  
Email: [code@codeinter.org](mailto:code@codeinter.org)  
Website: [www.codeinter.org](http://www.codeinter.org)

### **TRUNG TÂM CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN**

Số 6, N8B Trung Hòa Nhân Chính, Nguyễn Thị Thập,  
Thanh Xuân, Hà Nội  
Hòm thư 612, Bưu điện Hà Nội  
ĐT: (04) 3556-4001 • Fax: (04) 3556-8941  
Email: [contact@nature.org.vn](mailto:contact@nature.org.vn)  
Website :[www.nature.org.vn](http://www.nature.org.vn)

In XXX cuốn, khổ 21 x 29,7cm tại XXX.  
Mã số ĐKXB: XXX. In xong và nộp lưu chiểu XXX.